BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 77/2011/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2011*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục bổ sung thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29/4/2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này: Danh mục bổ sung thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc thú y tại Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Diệp Kỉnh Tần

DANH MỤC
BỔ SUNG THUỐC THÚ Y, VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 77/2011/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

I. DANH MỤC BỔ SUNG THUỐC THÚ Y

A. DANH MỤC BỔ SUNG THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

HÀ NỘI

1. Công ty Cổ phần thuốc thú y TW I (VINAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh do các vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra	TWI-X3-1
2	Tylosin 10%	Tylosin tartrate	Lọ	5, 50, 100ml	Điều trị bệnh do mycoplasma, treponema, hen suyễn, CRD, hồng lỵ	TWI-X3-6
3	Spectam SH	Spectinomycin	Lọ	5ml	Trị bệnh lợn con phân trắng	TWI-X3-8
4	Cafein natribenzoat	Cafein	Ống Lọ	5ml 100ml	Điều trị cơ thể bị suy nhược, suy tim, bị ngộ độc, kích thích hưng phấn	TWI-X3-13
5	Strychnin sulphate 0,1%	Strychnin	Ống	2ml	Điều trị cơ thể suy nhược, thần kinh rối loạn, nhược cơ	TWI-X3-14
6	Chlor-tylan	Tylosin, Doxycylin	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, suyễn, tiêu chảy, phó thương hàn, viêm teo mũi	TWI-X3-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
7	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống Lọ	5ml 50ml, 100ml	Trị viêm dây thần kinh, rối loạn tiêu hóa, nhiễm độc, kích thích tăng trưởng	TWI-X3-20
8	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống Lọ	5ml 50ml, 100ml	Điều trị suy nhược cơ thể, nhiễm độc, stress, tăng cường trao đổi chất	TWI-X3-21
9	B.complex inj	Vitamin B	Lọ, ống	20, 50ml, 100ml 2ml, 5ml	Kích thích tiêu hóa, tăng cường trao đổi chất, nâng cao sức khỏe	TWI-X3-25
10	A, D_3, E hydrovit for oral	Vitamin A, D, E	Lọ	100ml	Kích thích tăng trọng, sinh sản, tăng cường sức đề kháng	TWI-X3-27
11	ADEB.complex	Vitamin A, D, E, B	Ống, lọ	5ml 10, 20, 100, 500ml	Kích thích tăng trọng, sinh sản, tăng cường sức đề kháng	TWI-X3-28
12	Kanamycin 10%	Kanamycin sulfate	Ống, Lọ	5ml 10, 20, 100ml	Trị tụ cầu khuẩn, nhiệt thán, viêm phổi, E.coli, viêm phúc mạc	TWI-X3-31
13	Gentamycin 4%	Gentamycin sulfate	Ống Lọ	5ml 10, 20, 100ml	Trị viêm phổi, viêm phúc mạc, nhiễm trùng huyết, E.coli, P. thương hàn	TWI-X3-32
14	Kanavet	Kanamycin	Ống, lọ	5, 10, 50, 100ml	Trị khuẩn, viêm khớp, E.coli, viêm vú	TWI-X3-33
15	Gentatylodex	Tylosin, Gentamycin, Dexamethasone	Ống, lọ	5, 10, 50, 100ml	Trị viêm phổi truyền nhiễm, kiết lỵ, thương hàn, viêm ruột	TWI-X3-34
16	Analgin	Analginum	Ống, lọ	2, 5, 50, 100ml	Giảm đau, hạ sốt, thấp khớp, co thắt ruột	TWI-X3-35

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
17	Tiamulin 10%	Tiamulin	Ống, Lọ	5ml 10, 50, 100ml	Trị CRD, viêm phổi truyền nhiễm, hồng lỵ, tụ huyết trùng	TWI-X3-45
18	Levamisol 7,5%	Levamisol	Ống, lọ	5, 10, 20, 100ml	Tẩy các loại giun tròn	TWI-X3-48
19	Vinaenro 5%	Enrofloxacin, HCl	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng, trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin.	TWI-X3-49
20	Erythracin	Erythromycin, Oxytetracyclin	Ống Lọ	5ml 50ml, 100ml	Trị Tụ huyết trùng, viêm phổi, đóng dấu, viêm vú, CRD	TWI-X3-50
21	Septotryl 24%	Sulfadiazin, Trimethoprim	Ống, lọ	5ml 10, 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng, viêm phổi, viêm ruột, viêm vú	TWI-X3-53
22	Colistam	Colistin, Ampicilin	Lọ	10, 20, 100ml	Trị viêm phổi, viêm dạ dày ruột, viêm vú, viêm rốn	TWI-X3-55
23	Fatra	Colistin sulphat, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Đặc trị phân trắng lợn con, tiêu chảy mất nước trước và sau cai sữa	TWI-X3-54
24	Vina-Edema	Colistin sulphat, Kanamycin monosulphat	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn mẫn cảm với Kanamycin và Colistin gây ra	TWI-X3-63
25	Neo KD	Neomycin sulfate, Kanamycin sulfate	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị viêm ruột, bại huyết, tụ huyết trùng, viêm tử cung, viêm vú	TWI-X3-67
26	NCD	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Ống Lọ	5ml 10, 20, 100ml	Trị phân trắng, phó thương hàn, E.coli, bạch lỵ	TWI-X3-68
27	Coli KN	Colistin, Kanamycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiết niệu, nhiễm trùng da trên trâu, bò, chó, mèo	TWI-X3-69

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
28	Thiamphenicol 10%	Thiamphenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Thiamphenicol gây ra trên trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	TWI-X3-70
29	Oxy L.A	Oxytetracyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	TWI-X3-71
30	Norcoli-TWI	Norfloxacin	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị phân trắng, tiêu chảy, phó thương hàn, bạch lỵ, viêm phổi, CRD	TWI-X3-72
31	Coli D	Colistin	Lọ	50, 100ml	Trị tiêu chảy, E.coli dung huyết, PTH	TWI-X3-74
32	Kanatialin	Kanamycin, Tiamulin	Ống, lọ	5, 10, 50, 100ml	Trị THT, viêm phổi, suyễn, hồng lỵ	TWI-X3-79
33	Spectilin	Spectinomycin, Lincomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do VK nhạy cảm với Spectinomycin, Lincomycin gây ra	TWI-X3-80
34	Pneumotic	Tylosin, Bromhexin Oxytetracyclin,	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm phế quản, hội chứng tiêu chảy, viêm đa khớp trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-81
35	Lincomycin	Lincomycin	Ống, lọ	5, 20, 50, 100ml	Trị tụ cầu, liên cầu, viêm phổi, nhiễm trùng huyết	TWI-X3-84
36	Ampi-KD	Ampicilin, Kanamycin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục	TWI-X3-90
37	Ampicoli.D	Ampicilin, Colistin	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100m	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi	TWI-X3-91
38	Bioticolin	Colistin, Tiamulin	Lọ	5, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi truyền nhiễm, viêm teo mũi, hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy	TWI-X3-94

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
39	Biocomycine	Colistin, Spiramycin	Ống Lọ	5ml 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi truyền nhiễm, tụ huyết trùng, sảy thai truyền nhiễm	TWI-X3-95
40	Vitamin K 1%	Vitamin K	Ống, lọ	2ml; 100ml	Cầm máu, bại huyết	TWI-X3-97
41	Lincosep	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi, tiêu chảy, phân trắng lợn con	TWI-X3-98
42	Spectyl	Tylosin, Spectinomycin	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị CRD, sổ mũi truyền nhiễm, tiêu chảy, E.coli, phó thương hàn	TWI-X3-99
43	Tetramulin	Tiamulin, Chlortetracyclin	Lọ	5, 10, 50, 100, 250ml	Trị viêm phổi truyền nhiễm, CRD, Leptospirosis, hồng lỵ	TWI-X3-104
44	Poly AD	Vitamin A, D, E	Lọ	20, 100ml	Kích thích tăng trưởng, sinh sản, tăng sản lượng trứng	TWI-X3-107
45	Calci B_{12}	Vit B_{12}, Calci gluconat	Lọ	5, 10, 50, 100, 250ml	Trị bại liệt, co giật, hạ đường huyết	TWI-X3-110
46	Oxycin	Oxytetracyclin	Lọ	10, 50, 100ml	Trị đóng dấu, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung, Leptospirosis	TWI-X3-113
47	Coli SP	Colistin sulfate, Spectinomycin	Lọ	10, 50, 100ml	Trị phân trắng, viêm dạ dày - ruột, CRD, viêm xoang, viêm tử cung	TWI-X3-116
48	Amoseptryl	Amoxycillin, Sulfadimezin	Lọ	50, 100ml	Trị tụ huyết trùng, tiêu chảy, phân trắng, viêm phổi	TWI-X3-117
49	Gentamox	Gentamycin sulfate, Amoxycillin	Lọ	10, 50, 100ml	Trị viêm vú, nhiễm trùng huyết, đóng dấu, uốn ván, nhiệt thán	TWI-X3-118
50	Tylosul	Tylosin tartrate, Sulfadimezin	Lọ	10, 20, 50, 100, 250ml	Trị viêm phổi, viêm xoang, tụ huyết trùng, viêm vú, CRD	TWI-X3-120
51	Coli-T.T.S	Colistin sulfate, Tylosin tartrate	Lọ	5, 50, 100ml	Trị tiêu chảy, viêm vú, viêm teo mũi truyền nhiễm, thương hàn	TWI-X3-124

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
52	Sulmutin	Sulfadimezin, Tiamulin	Lọ	20, 50, 100ml	Trị suyễn, hồng lỵ, CRD, viêm vú, ung khí thán, uốn ván	TWI-X3-125
53	Tylotetrasol	Tylosin tartrate, Oxytetracyclin	Lọ	5, 20, 50, 250, 100ml	Trị suyễn, CRD, tụ huyết trùng	TWI-X3-128
54	Ferridextran + B_{12}	Fe, Vitamin B_{12}	Ống, lọ	2, 20ml, 100ml	Bổ sung sắt và vitamin B_{12}	TWI-X3-144
55	Leptocin	Tylosin, Oxytetracyclin	Lọ	10, 20ml	Trị leptospirosis, viêm phổi, hồng lỵ	TWI-X3-155
56	Atropin sulfat	Atropin sulfate	Ống	2ml	Chống co thắt ruột, dạ con, bàng quang, giảm tiết dịch ruột	TWI-X3-159
57	Amino-B_{12}	Amino acid, Vitamin B_{12}	Lọ	20,50,100,500ml	Thiếu máu, bồi bổ cơ thể	TWI-X3-169
58	Fasiolid	Nitroxinil	Lọ	10, 20, 50ml	Tẩy sán lá	TWI-X3-171
59	Novocain 3%	Novocain	Ống	2ml	Giảm đau, gây mê, phong bế thần kinh	TWI-X3-174
60	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống	2ml	Bổ máu, kích thích tăng trưởng	TWI-X3-178
61	BoGama	Methinonin, Vitamin B_6	Ống, lọ	5, 10, 30, 50ml 100ml	Bổ gan, lợi mật, Leptospirosis, tiêu chảy, Dyspepsia	TWI-X3-181
62	Urotropin	Urotropin	Ống, lọ	2,5; 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiết niệu, viêm cơ,	TWI-X3-186
63	Vinarmectin	Ivermectin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Tẩy giun tròn, ghẻ, ve, bọ chét	TWI-X3-188
64	Vinathazin	Promethazini HCl	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Chống dị ứng, thần kinh bị kích thích, chống co giật, phù thũng lợn con	TWI-X3-189

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
65	Vinadoxin	Doxycyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm phế quản trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-92
66	Anflox-T.T.S	Colistin, Tiamulin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị hồng lỵ, viêm phổi truyền nhiễm, viêm đa khớp trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-122
67	PTLC	Colistin, Spectinomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Spectino-mycin trên dê non, cừu non, lợn con	TWI-X3-152
68	Quinoxalin Oral	Sulfadimidin Sulphaquinoxalin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh cầu trùng đường ruột, viêm mũi, nhiễm cầu trùng	TWI-X3-102
69	Iverrmectin 1%	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, lợn.	TWI-X3-119
70	Spyramycin inj	Spyramycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị Mycoplasma, bệnh đường hô hấp và đường ruột, viêm khớp, vú trên trâu, bò, bê, nghé, dê, cừu, lợn	TWI-X3-121
71	Bromhexin 0,3%	Bromhexin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh phế quản, phổi cấp và mãn tính liên quan đến tiết chất nhày bất thường	TWI-X3-126
72	Erythromycin 20	Erythromycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin	TWI-X3-154
73	Flumequin 18	Flumequin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh do Salmonella, Pasteu-ralla, Colibacillus trên bê, nghé, gia cầm	TWI-X3-160
74	Amox L.A 15%	Amoxicillin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp do Pasteuralla gây ra trên trâu, bò, cừu, lợn	TWI-X3-168

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
75	Danofloxacin	Danofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị viêm nhiễm ở đường hô hấp, tiêu hóa và tiết niệu trên trâu, bò, ngựa, lợn	TWI-X3-192
76	Fosformicin	Fosformicin, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50;100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TWI-X3-194
77	Linco-Gen	Gentamycin, Lincomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy và viêm khớp	TWI-X3-195
78	Analgin C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Tác dụng giảm đau, chống phong thấp và sốt	TWI-X3-196
79	Gluco-C	Glucose, Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trợ sức, tăng sức đề kháng cho cơ thể	TWI-X3-197
80	Vinaflocol	Florfenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-198
81	Vinacef	Ceftiofur	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi - màng phổi, THT, viêm tử cung, viêm khớp, móng trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-199
82	Flodoxin	Florfenicol, Doxycycline	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm tử cung, viêm đạo, viêm màng não	TWI-X3-201
83	Vinasone	Tylosin tartrate Thiamphenicol	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng huyết, hội chứng viêm vú - tử cung - mất sữa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	TWI-X3-202
84	Vina-cox	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 50; 100; 500ml	Trị cầu trùng gia cầm	TWI-X3-203

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
85	Vinatosal	Vit B_{12}, Butaphosphan	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500 ml	Cung cấp vitamin, P hữu cơ kích thích sự biến dưỡng	TWI-X3-207
86	Vina-Drax	Tulathromycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với P.haemolytica, P. multocida, Haemophillus.Mycoplasma, Actinobacillus pleuropneumoniae gây ra trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-210
87	Vina- cox 5%	Toltrazuril	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500 ml	Phòng và điều trị cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con theo mẹ, bê, nghé, cừu con	TWI-X3-211
88	Vina- san	Praziquantel	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500 ml	Trị sán trên chó, mèo: Echinococcus spp, Dipylidium caninum, Mesocestoides spp, Joyeuxiella pasqualei	TWI-X3-213
89	Vina-Decol	Tolfenamic	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt chống viêm trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	TWI-X3-215
90	Vina-Tilmo	Tilmicosin Phosphat	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, cừu	TWI-X3-216
91	Vina-Tilmo oral	Tilmicosin Phosphat	Gói, hộp, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp trên lợn, gia cầm	TWI-X3-217
92	Vina-Bcomplex C	Vitamin B_1, B_6, PP, Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và điều trị bệnh do thiếu Vitamin, tăng cường sức đề kháng, nhanh chóng phục hồi sau bệnh, chống stress trên gia súc	TWI-X3-218

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
93	Vina-Colidox	Doxycyclin hyclate Colistin Sulfate	Gói, hộp, thùng	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, CRD, nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên gia cầm	TWI-X3-219
94	Vina-econo 10	Valnemulin HCL	Gói, hộp, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 25kg	Trị lỵ, suyễn, viêm ruột trên lợn	TWI-X3-220
95	Vina-Fenben	Fenbendazole	Gói, hộp, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Tẩy giun, sán ở phổi, ở đường ruột, thận cho gia súc, gia cầm	TWI-X3-221
96	Vina-Neodox	Doxycyclin hyclate Neomycin	Gói, hộp, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng máu trên bê, nghé, lợn, gà	TWI-X3-222
97	Vina-tetracolivit	Oxytetracycline HCl Colistin. Vitamin A; D_3, E; K_3 Vitamin B_2; B_{12}	Gói, hộp, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, CRD, chống stress do thay đổi môi trường, tiêm phòng trên gia cầm	TWI-X3-223

2. Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Diễm Uyên (HUPHAVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Hupha-Eryvet	Erythromycin thiocyanate	Gói, hộp; Bao, xô	10; 20; 50; 100; 500; 1000g; 5; 10; 20kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin gây nên trên gia súc, gia cầm	UHN-104
2	Hupha-Colimox	Amoxicilline, Colistin sulfat	Gói, hộp; Bao, xô	10; 20; 50; 100; 500; 1000g; 5; 10; 20kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Amoxicilline gây nên trên gia súc, gia cầm	UHN-106

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Hupha- Dosin	Doxycyclin hyclate; Tylosin Tartrate	Gói, hộp Bao, xô	10; 20; 50; 100; 500g 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycyclin	UHN-108
4	Hupha-Dogen	Doxycyclin hyclate; Gentamycin- sulfate	Gói, hộp; Bao, xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	UHN-110
5	Hupha-Spectin	Spectinomycin Lincomycin	Gói, hộp; Bao, xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	UHN-111
6	Hupha-Neodox	Doxycyclin hyclate Neomycin sulfate	Gói, hộp; Bao, xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	UHN-112
7	Hupha-Doxy20	Doxycyclin hyclate	Gói, hộp; Bao, xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	UHN-114
8	Hupha- SCP-cầu trùng	Sulfachloropyrazine	Gói, hộp; Bao, xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng trên gia cầm	UHN-115

3. Công ty Cổ phần thuốc thú y SVT Thái Dương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	SVT - Tiacoli	Tiamulin fumarate, Colistin sulfat	Chai	20; 100 ml	Trị hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi địa phương, suyễn trên trâu, bò, lợn	SVT-1
2	Sun- Flo Doxy	Florfenicol, Doxycyclin	Ống, chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	SVT-2
3	Sun- Enroject	Enrofloxacin	Ống, chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị bệnh đường tiêu hóa và hô hấp trên trâu, bò, lợn	SVT-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
4	SVT- Thiam tylo	Thiamphenicol, Tylosin tartrate	Ống, chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm phổi, bệnh tụ huyết trùng, hội chứng MMA, nhiễm trùng máu trên trâu, bò dê, cừu, lợn	SVT-4
5	Sun- Tylan	Tylosin tartrate	Ống, chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị viêm phổi địa phương, viêm khớp, bệnh đóng dấu, viêm tử cung trên trâu, bò, lợn	SVT-5
6	Sun- Lincoject	Lincomycin HCl	Chai	20 ml; 100 ml	Trị Leptospyrosis, liên cầu khuẩn, viêm dạ dày ruột, viêm đường liệu sinh dục, nhiễm trùng huyết, viêm xương, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung trên gia súc, gia cầm	SVT-6
7	SVT- Nocinject	Norfloxacin HCl	Ống, chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	SVT-7
8	Sun - Tosal	Butafosfan, Vitamin B_{12}	Ống, chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị rối loạn sinh trưởng, rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	SVT-8
9	SVT- Gentyl D	Tylosin tartrate, Gentamycin	Ống, chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị viêm đường hô hấp, viêm đường sinh dục, niệu đạo trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	SVT-9
10	Sun- Analgin C ject	Analgin, Vitamin C	Ống, chai	2; 5; 20; 100 ml	Giảm đau, hạ sốt, tăng sức đề kháng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó	SVT-10
11	Sun- Calciject	Calcium gluconat	Ống, chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị bệnh do thiếu khoáng, hạ calci huyết, thiểu năng tuyến cận giáp, thiếu Vitamin D, còi xương chậm lớn	SVT-11
12	Sun- Amox 15% LA	Amoxycilin	Chai	20 ml; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp	SVT-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
13	Sun- Marbo	Marbofloxacin	Ống, chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	SVT-13
14	Sun- Levasol	Levamisol	Ống	2; 5ml	Trị giun trên gia súc, gia cầm	SVT-14
15	SVT- Tilcosin Plus	Tilmicosin	Chai	15; 100ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	SVT-15
16	Sun- Enro Plus	Enrofloxacin	Chai	15; 100ml; 1 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa trên trên bê, dê, cừu non, lợn, gia cầm	SVT-16
17	SVT- Nocin Plus	Norfloxacin	Chai	15; 100ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	SVT-17
18	Sun- Flomax plus	Flofenicol	Chai	15; 100ml; 1 lít	Trị bệnh tiêu chảy, tụ huyết trùng, coryza, thương hàn, viêm ruột hoại	SVT-18
19	Sun-CRD	Lincomycin HCl, Colistin sulfat	Túi	10; 20; 50; 100; 200; 250g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	SVT-19
20	SVT- Tylodox	Tylosin, Docycyclin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, heo, dê, cừu non, gia cầm	SVT-20
21	Sun- Enro 20	Enrofloxacin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu	SVT-21
22	SVT- Super cox	Sulfaquinoxalin, Diaveridin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị cầu trùng trên gia cầm	SVT-22
23	Sun- Cox	Sulfachlozin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị cầu trùng, tụ huyết trùng, thương hàn trên gia cầm	SVT-23
24	Sun- Tylandox	Docycyclin, Tylosin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, dê, cừu non, lợn, gia cầm	SVT-24
25	Sun- Ecoli	Colistin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	SVT-25

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
26	SVT- Đặc trị tiêu chảy	Neomycin Colistin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên lợn, dê, bê, cừu, thỏ, gia cầm	SVT-26
27	SVT- Norflox	Norfloxacin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	SVT-27
28	SVT- Docy 20	Docycyclin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu	SVT-28
29	SVT- Gentadox	Doxycyclin HC Gentamycin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp	SVT-29
30	SVT- Levasol P	Levamisol HCL	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị giun trên gia súc, gia cầm	SVT-30
31	SVT- Colidox	Doxycycline HCl Colistin Sulfat	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị viêm phổi, suyễn, tiêu chảy, phó thương hàn, viêm teo mũi	SVT-31
32	Sun- Ampicoli	Ampicilin, Colistin	Ống, chai	2; 5; 20; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm màng não, tiết niệu	SVT-32
33	Sun- Cầu trùng Stop	Sulfaquinoxalin, Trimethoprim	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, nhiễm E.coli huyết trên gia cầm	SVT-33
34	Sun-Nystatin	Neomycin sulfate, Nystatin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị tiêu chảy ly, nhiễm trùng máu trên gia cầm	SVT-34
35	Sun-Colimox	Amoxycilin, Colistin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg.	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, cừu, dê, lợn, gia cầm	SVT-35
36	Sun- Tilmicosin	Tilmicosin	Túi	10; 20; 50; 200; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp trên lợn, gia cầm	SVT-38
37	Sun- Neodox	Doxycyclin, Neomycin	Túi	10; 20; 50; 100g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, dê, cừu non, lợn, gia cầm	SVT-39

4. Công ty Cổ phần thuốc thú y TW5 (FIVEVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Five-Costrim	Colistin sulfate, Trime.	Lọ	10; 20; 100; 500ml	Trị E.coli, PTH, tiêu chảy lợn, dê, cừu non	TW5-4
2	Five-Otilin	Tiamulin, Dexa Oxytetracylin,	Ống, lọ	10, 20, 50ml	Trị Leptospirosis, viêm phổi, hồng lỵ	TW5-10
3	Five-Ivermectin	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng, trị các bệnh do ký sinh trùng ở dạ dày, phổi, thận trên trâu, bò, lợn	TW5- 26
4	Five-Trile	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh gây ra bởi các vi khuẩn mẫn cảm với Enrofloxacin	TW5- 28
5	Five-Kanamycin	Kanamycin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1l	Trị viêm dạ dày ruột, tiêu chảy, viêm phổi, viêm khí quản, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu	TW5-31
6	Five- Gentoxcin	Gentamicin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, niệu sinh dục trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu	TW5- 32
7	Five-Kacolis	Kanamycin, Colistin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò; nhiễm khuẩn đường niệu dục, viêm da trên chó, mèo	TW5- 35
8	Five-Leva	Levamysol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tẩy các loại giun tròn	TW5-38
9	Five-P.T.L.C	Colistin sulfate, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 100; 500ml	Trị bệnh đường tiêu hóa trên lợn con, dê, cừu	TW5-39
10	Five-Tydo.C	Tylisin tartrate, Doxycyclin hyclate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	TW5-40

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
11	Five-Tio.D	Colistin sulfate, Tiamulin HF	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị hồng lỵ, viêm phổi truyền nhiễm, viêm đa khớp, Leptospirosis trên trâu, bò, lợn	TW5-41
12	Five-Flo.30	Florfenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol	TW5- 49
13	Five-TT.G500	Tylosin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Tylosin	TW5-55
14	Five-S.P.C	Colistin, Spectinomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh do E.coli, Salmonella trên dê non, cừu non, lợn	TW5-56
15	Five-Lincopectin	Lincomycin Spectinomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm nhiễm cho trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	TW5-57
16	Five -Anagin C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt	TW5-61
17	Five-Amcoli-D	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate, Dexa	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm Ampicillin, Colistin gây ra trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	TW5-62
18	Five-Cfor	Ceftiofur	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur	TW5-66
19	Five-Genamox	Amoxicillin trihydrate, Gentamycin sulfate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, nhiễm trùng đường ruột, viêm vú, nhiễm trùng đường tiết niệu - sinh dục trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	TW5-68
20	Five-Fe B_{12}	Fe dextran. Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên lợn, trâu, bò	TW5-71

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
21	Five-Cox 2,5%	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị bệnh cầu trùng trên gà, gà tây	TW5-72
22	Five-Cox 5%	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị bệnh cầu trùng trên lợn	TW5-73
23	Five- Otylin	Tylosin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên bê, nghé, lợn, dê, cừu	TW5-77
24	Five-Enrocin	Enrofloxacine	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, niệu đạo do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-78
25	Hado.Lincocin	Lincomycin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị viêm khớp do *Mycoplasma hyosynoviae* hoặc hy*orhinis,* liên cầu, tụ cầu, đóng dấu, viêm phổi địa phương do mycoplasma trên lợn. Nhiễm khuẩn ở da (viêm da do tụ cầu). Nhiễm khuẩn hô hấp, viêm bàng quang, viêm âm đạo, viêm tử cung và viêm bạch huyết trên chó, mèo	TW5-83
26	Hado.Enro10	Enrofloxacin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, nhiễm khuẩn đường hô hấp, nhiễm khuẩn đường niệu - đạo do vi khuẩn mẫn cảm với Enrofloxacin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-86

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
27	Hado.Flusuper	Flumequin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, nhiễm khuẩn đường hô hấp, nhiễm khuẩn đường tiết niệu - sinh dục do vi khuẩn mẫn cảm với Flumequin trên lợn, gia cầm	TW5-87
28	Hado.Spec	Colistin sulfat Spectinomycin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Colistin, Spectino-mycin trên dê non, cừu non, lợn con	TW5-91
29	Hado.Tylin	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, dê, cừu	TW5-93
30	Hado.DTS	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml	Trị bệnh hô hấp, viêm ruột non hoại tử, bệnh lỵ, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm tai, viêm kết mạc	TW5-94
31	Hado.dexa	Dexamethason natri phosphat	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml	Kháng viêm, chống dị ứng, stress, sốc	TW5-97
32	Hado.Glucose	Glucose	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml	Cung cấp nước và năng lượng, giải độc, lợi tiểu, tăng sức đề kháng	TW5-99
33	Hado.Tylosin 150.LA	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn	TW5-102
34	Hado.Oxylin.LA	Oxytetracyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày - ruột, viêm khớp, hội chứng M.M.A, nhiễm khuẩn gây sảy thai, nhiễm khuẩn cơ hội do virus trên trâu, bò, cừu, dê, lợn	TW5-103
35	Hado.Tylosin. 2000	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn mà vi khuẩn mẫn cảm với tylosin trên trâu, bò, cừu, dê và lợn	TW5-104

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
36	Five-Tylan@.LA	Tylosin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu chảy ở lợn	TW5-105
37	Five-Amox@.LA	Amoxicillin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi những vi khuẩn mẫn cảm với Amoxicillin, nhiễm khuẩn hô hấp gây ra bởi vi khuẩn Gram (+) và Pasteurella trên trâu, bò, cừu, dê, lợn, chó và mèo	TW5-106
38	Five-Diclo.10	Natri diclofenac	Ống Lọ	5, 10, 20, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị viêm khớp mãn tính, viêm cơ, đau bụng co thắt ở ngựa và gia súc	TW5-107
39	Five-Butasal	Butaphosphan Vitamin B_{12}	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị rối loạn hấp thu và chuyển hóa trên gia súc, gia cầm	TW5-110
40	Five-Vitamin B_1	Thiamin hydroclorid	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị viêm dây thần kinh, rối loạn tiêu hóa, suy nhược	TW5-112
41	Five-Cafein	Cafein	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị suy nhược cơ thể, trợ tim, kích thích thần kinh, chữa co thắt mạch máu, giảm nhu động ruột	TW5-113
42	Five-Vitamin K	Vitamin K	Ống Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Thuốc có tác dụng cầm máu trong các bệnh gây xuất huyết, viêm ruột, viêm gan, cầu trùng ghép, E.coli bại huyết, chấn thương, coli dung huyết	TW5-114
43	Five-Vitamin C	Vitamin C	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Chống stress, tăng cường sức đề kháng, trị các bệnh thiếu Vitamin C	TW5-115
44	Hado. Enflocin	Enrofloxacin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu ở bê, nghé, trâu, bò, dê, cừu, lợn	TW5-116

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
45	Hado.Flocol.LA	Florfenicol	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol	TW5-117
46	Hado.Maxflocin. LA	Marbofloxacin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp gây ra bởi những vi khuẩn mẫn cảm với Marbofloxacin ở bê, nghé, lợn	TW5-118
47	Five-Gluco.k.c.namic	Tolfenamic acid	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Hạ sốt, giảm đau, tiêu viêm, phối hợp với kháng sinh điều trị M.M.A	TW5-119
48	Hado.Thiam.oral	Thiamphenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TW5-120
49	Hado.Cox1	Toltrazuril	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gà	TW5-121
50	Hado.Cox2	Toltrazuril	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên lợn con, dê non, cừu non	TW5-122
51	Hado.Cetifor	Ceftiofur	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh hô hấp trên trâu, bò, lợn	TW5-123
52	Hado.Ivermectin	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng	TW5-124
53	Five-Nitroxynil	Nitroxynil	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị sán lá gan, giun trên trâu, bò, cừu, gà, chó	TW5-125
54	Hado-Bromhexin Oral	Bromhecxin HCl	Túi, bao	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Làm tan dịch nhày trong các bệnh nhiễm khuẩn trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, chó, mèo, gia cầm	TW5-126
55	Hado-Bromhexin Injec	Bromhecxin HCl	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Làm tan dịch nhày trong các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp ở bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, chó, mèo và gia cầm	TW5-127

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
56	Hado- Enpacin	Oxytetracycline HCl	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm ruột, tụ huyết trùng, Leptospirosis trên trâu, bò, lợn, cừu, gia cầm	TW5-128
57	Five-Flonicol	Florfenicol	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	TW5-129
58	Five-Paflo	Florfenicol	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	TW5-130

5. Công ty TNHH thuốc thú y Việt Nam (PHARMAVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Doxycolison-F	Doxycyclin, Colistin Dexamethason	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, phó thương hàn, tụ huyết trùng, E coli, sưng phù đầu	Phar -06
2	Doxyvet-L.A	Doxycyclin	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị hen suyễn, tiêu chảy, sưng phù đầu, viêm khớp, phế quản phổi, vú, tử cung	Phar -12
3	Kanamulin	Kanamycin, Tiamulin	Ống, Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị hồng ly, tụ huyết trùng, hen suyễn, tiêu chảy phân trắng	Phar -13
4	Doxytyl-F	Doxycyclin, Tylosin	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị lepto, hen suyễn, phó thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy	Phar -14
5	Kanamycin-10	Kanamycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin	Phar -15
6	Phartylan-100	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin	Phar -16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
7	Gentamicin-5	Gentamicin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Gentamicin	Phar 17
8	Lincocin 10%	Lincomycin	Ống, lọ	5, 10; 20; 50; 100ml	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin	Phar -23
9	Phargentylo-F	Gentamicin, Tylosin	Ống; lọ	5; 10; 20; 50ml 100ml	Trị viêm phế quản, phổi, tiêu chảy, viêm ruột, suyễn, E.coli, phó thương hàn	Phar -24
10	Phar-Complex C	Vitamin B, C	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin, trị còi cọc kém ăn chậm lớn, suy gan, tăng sức đề kháng	Phar -26
11	ADE-Bcomplex	Vitamin A, B, D, E	Ống Lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin, trị còi cọc, kém ăn chậm lớn, giảm đẻ, tăng sức đề kháng	Phar -27
12	Phar-nalgin C	Analgin, Vitamin C	Ống, lọ	5, 10; 20; 50; 100ml	Hạ nhiệt, giảm đau, tăng sức đề kháng	Phar -28
13	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin B_1	Phar -31
14	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin C	Phar -32
15	Vitamin K_3 1%	Vitamin K_3	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin	Phar -33
16	Pharmectin	Ivermectin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nội và ngoại ký sinh trùng	Phar -38
17	Phar-norcin 200	Norfloxacin	Lọ, chai	10, 20, 50, 100ml 500 ml, 1 lit, 5 lit	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin	Phar -39
18	Fertran-B_{12}	Sắt (Fe), Vitamin B_{12}	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50ml; 100; 250; 500ml	Phòng, trị bệnh do thiếu sắt ở gia súc non	Phar -41
19	Lidocain Inj	Lincocain HCL	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Gây tê, giảm đau	Phar -42
20	Nitroxynil Inj	Nitroxynil	Ống Lọ	5; 10; 20; 50ml 100; 250; 500 ml	Trị sán lá gan, sán lá ruột, giun xoăn, giun kết hạt, giun móc ở gia súc, lợn, chó	Phar -47
21	Pharsulin	Tiamulin	Ống Lọ	10; 20; 50ml; 100; 250; 500ml	Trị bệnh hồng ly, suyễn, viêm màng phổi, viêm khớp, Lepto của lợn	Phar -48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
22	Supermotic	Oxytetraxyclin Tylosin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin, Oxytetraxyclin	Phar-02
23	Norflo-T.S.S	Tiamulin, Colistin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin, Colistin	Phar-04
24	Phardiasol	Neomycin, Colistin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin, Colistin	Phar-07
25	Phar-D.O.C	Colistin, Oxytetraxyclin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Oxytetraxyclin	Phar-08
26	Lincoseptin	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị tiêu chảy phân trắng, viêm phế quản phổi, E.coli, kiết lỵ	Phar-10
27	Phar-S.P.D	Colistin, Kanamycin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Kanamycin	Phar-11
28	Pharseptyl-L.A	Sulfamethoxypyridazin Trimethoprim	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với TMP và S.methoxypyridazin	Phar-36
29	Enroseptyl-L.A	Enrofloxacin	Lọ, ống	5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin	Phar-37
30	Bocinvet- L.A	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp do các vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên trâu, bò, lợn	Phar-57
31	Phar- Pulmovet	Theophylin, Terpin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị ho, khó thở trên trâu, bò, cừu, lợn, chó, mèo	Phar-61

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
32	Pharti- P.A.I	Ketoprofen	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Thuốc kháng viêm, giảm đau trên trâu, bò, ngựa, lợn	Phar-62
33	Oxyvet-LA	Oxytetracyclin HCL	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phế quản, viêm khớp, hô hấp, THT, viêm vú, viêm tử cung, lepto	Phar-63
34	Phar- Nagin	Dipyron	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo	Phar-64
35	Phar- Moxicla	Amoxycilin, Clavulinic	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	Phar-65
36	Pharcolapi	Ampicilin, Colistin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilin, Colistin trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	Phar-66
37	Prenacin	Spiramycin adipat	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phế quản phối, viêm vú, viêm tử cung, đóng dấu, viêm khớp, viêm dạ dày ruột trên trâu, bò, dê, cừu, heo	Phar-67
38	Phartropin	Atropin sulfate	Ống, chai	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Chống co thắt, dạ dày, ruột non, ruột già, vô niệu do co thắt trên ngựa, lợn, chó	Phar-68
39	Etox-Pharm	Deltamethrin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị nhiễm ký sinh trùng ngoài da trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	Phar-69
40	Furo- Pharm	Furosemid	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị phù thũng trên bò, ngựa, lợn, chó, mèo	Phar-70
41	Pharm-Cox	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh cầu trùng gây tiêu chảy trên bê, nghé, lợn con	Phar-73

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
42	Coli- Flox	Kanamycin sulfate, Colistin sulfate, Atropin sulfate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng do VK nhạy cảm với Kanamycin và Colistin trên trâu, bò, lợn	Phar-74
43	Dexa-Pharm	Dexamethasone natri phosphat	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị dị ứng, viêm nhiễm độc, kích thích đẻ trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	Phar-75
44	Prenacin II	Spiramycin adipat	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	Phar-76
45	Coli- Flox Pharm	Flumequin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa, gia cầm	Phar-77
46	Mectin- Pharm	Ivermectin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên bò, lợn, dê, cừu	Phar-78
47	L.S-Pharm	Spectinomycin, Lincomycin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Spectinomycin và Lincomycin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	Phar-79
48	Combi-Pharm	Gentamycin sulfate, Tylosin tartrate, Dexa, Chlopheniramin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiết niệu, sinh dục, nhiễm khuẩn đường ruột trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gia cầm	Phar-80
49	Phar- Combido	Gentamycin sulfate, Tylosin tartrate, Dexa, Chlopheniramin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiết niệu, sinh dục, nhiễm khuẩn đường ruột trên lợn con, chó, mèo, gia cầm	Phar-81
50	Pharthiocin	Thiamphenicol, Oxytetracyclin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, PTH, THT, viêm phổi, viêm đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	Phar-82

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
51	Bocin-Pharm	Florfenicol, Doxycyclin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	Phar-83
52	Pharm-cox G	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh cầu trùng gà	Phar-85
53	Pharnalgin - Max	Acid tolfenamic	Ống, Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, chống viêm, hạ sốt trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	Phar-92
54	Giamho-T	Bromhexin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Long đờm, giảm ho gia súc, kết hợp trị nhiễm khuẩn hô hấp	Phar-96
55	Talu-Pharm	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng lực, trị còi cọc, suy nhược, thiếu máu gia súc, gia cầm	Phar-100
56	Anta-Pharm	Promethazin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	An thần, chống dị ứng trên gia súc, gia cầm	Phar-101
57	Pharpoltrim-Max	Sulphadiazin sodium, Trimethoprim	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiết niệu do vi khuẩn gây ra trên gia súc, lợn, gia cầm	Phar-102
58	Neosol-Pharm	Neomycin sulfat, Oxytetracyclin HCl	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Phòng và trị bệnh bạch lỵ, thương hàn, tiêu chảy do E.coli, hen, CRD, Coryza, sưng đầu, tụ huyết trùng trên trâu, bò, lợn, cừu, gia cầm	Phar-103
59	Pharmequin-Max	Flumequin	Gói, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn trên đường tiêu hóa, hô hấp tiết niệu ở gia súc, lợn, gia cầm	Phar-104
60	Decto-Pharm	Niclosamid, Levamisol HCl	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Tẩy giun sán phổ rộng trên gia cầm	Phar-105

6. Công ty Cổ phần phát triển Công nghệ Nông thôn (RTD)

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	RTD-Anticoccid 1	Sulfaquinoxaline sodium, Diaveridine	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị cầu trùng gây bệnh ở manh tràng gia cầm	RTD-195
2	RTD-Colistin 5.000.000UI	Colistin sulfate	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày, ruột trên bê, lợn, gia cầm	RTD-196
3	RTD-T.Bactrim	Sulfadiazine, Trimethoprim	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp trên bê, cừu, dê, gia cầm, lợn	RTD-197
4	RTD-Coli-Tri 200WS	Trimethoprim, Colistin sulfate	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột do vi khuẩn mẫn cảm với Trimethoprim, Colistin sulfate trên bê, cừu, dê, lợn, gia cầm	RTD-198
5	RTD-Flortec	Florfenicol	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn do vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol gây ra	RTD-199
6	Tylan T	Tylosin tartrat	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, lỵ, viêm khớp, viêm vú, viêm màng dạ con trên gia súc, gia cầm	RTD-200
7	T Enro 1000	Enrofloxacin	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500ml	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu do vi khuẩn mẫn cảm với Enrofloxacin gây ra trên bê, dê, cừu, lợn	RTD-201
8	Enro HT	Enrofloxacin	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp, đường niệu, nhiễm trùng máu, tụ huyết trùng, phó thương hàn gây ra trên bê, dê, cừu, lợn	RTD-202

7. Công ty Cổ phần dược phẩm công nghệ cao

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Enrocin	Enrofloxacin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp và tiết niệu trên bê, nghé, heo, gia cầm	Hitech-29
2	Cocifor	Sulfadimidin, Diaveridine	Túi, lon	10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị cầu trùng trên gia cầm	Hitech-30
3	Diacoctine	Sulfachloropyrazine	Túi, lon	10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị cầu trùng, tụ huyết trùng, thương hàn trên gia cầm	Hitech-31

8. Công ty TNHH Năm Thái

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Kanamycin	Kanamycin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn	NT-6
2	Vidan T	Actimospectin, Lincomycin	Ống, chai	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh hen, suyễn lợn, CRD, sưng phù đầu gà, nhiễm khuẩn ở gia súc, gia cầm	NT-12
3	T.Gastron. Thái	Ampicillin sulphate, Colistin sulphate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml 0,5; 1; 2; 5; 10, 20 kg	Trị nhiễm trùng huyết, viêm khớp, viêm phổi, viêm teo mũi lợn, THT, bạch lỵ	NT-16
4	T.Tere	Colistin sulphate, Spectinomycin HCL	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị phân trắng, phù thũng, thương hàn, viêm ruột, tụ huyết trùng	NT-17
5	Spyracin.Thái	Spiramycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm teo mũi trên trâu bò, bê, dê, cừu, lợn	NT-18

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
6	Flugen.Thái	Flumequin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm khớp, thương hàn, tụ huyết trùng,...	NT-20
7	T.Enro. Thái	Enrofloxacin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị Pasteurellosis, Mycoplasmosis, nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu	NT-21
8	T.Enteron	Oxytetracyclin HCL, Tylosin tartrate, Bromhexin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị bệnh đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NT-10
9	T.T.S Năm Thái	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NT-11
10	Enro-10	Enrofloxacin HCL	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NT-22
11	Flumequin-20	Flumequine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, viêm vú, viêm khớp, viêm da trâu, bò, lợn, gia cầm	NT-23
12	T.Avibrasin	Doxycyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm phế quản phổi, THT trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NT-26
13	T.Metrion	Neomycin sulfate, Benzalkonium clorid	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm tử cung, âm đạo, đường niệu trên lợn nái, trâu, bò cái	NT-27
14	Dysentery	Neomycin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị tiêu chảy, viêm ruột trên lợn con	NT-30
15	Norflox-10	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, niệu sinh dục, viêm ruột trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	NT-31

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
16	Tialin. Thái	Colistin, Tiamulin,	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị hồng lỵ, viêm phổi truyền nhiễm, viêm đa khớp trên trâu, bò, lợn	NT-33
17	Amoxycillin	Amoxicillin trihydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị viêm phế quản, thanh quản, nhiễm trùng huyết, viêm ruột, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	NT-34
18	T.C.K	Kanamycin, Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin và Colistin trên trâu, bò, chó, mèo	NT-35
19	Vitamin D_3	Vitamin D_3	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin D trên trâu, bò	NT-36
20	T. Oxyvet.LA	Oxytetracyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NT-37
21	T.Ivermectin 1%	Ivermectin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	NT-38
22	T.Amoxycol	Amoxicilline, Colistin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường ruột, niệu - sinh dục, nhiễm trùng huyết, MMA trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo	NT-40
23	T.Amoxigen	Amoxicilline, Gentamicin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm ruột, ỉa chảy, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	NT-41
24	Flophenicol	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	NT-42

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
25	T.Ceftiofur	Ceftiofur	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	NT-43
26	Ceftiofur	Ceftiofur	Lọ	1; 2; 3; 5; 10; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trâu, bò, lợn	NT-44
27	T.Diatrizon	Sulphadiazin, Trimethoprim	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulphadiazin và Trimetho-prim trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NT-45
28	Linco-Gen L.A	Gentamycine, Lincomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy, THT, đóng dấu trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NT-46
29	Calci+Vit.B_{12}	Calci gluconate, Vitamin B_{12}, Glucose	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh thiếu canxi, thiếu máu trên trâu, bò, lợn, dê, cừu.	NT-47
30	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh do thiếu Vit B_1 trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NT-48
31	Vit.C 5%	Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin C trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	NT-49
32	Calci + C	Calci gluconate, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng, trị bệnh thiếu canxi, vitamin C trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NT-50
33	A.D_3.E. Thái	Vitamin A, D, E	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh thiếu Vitamin A, D, E trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	NT-51
34	Analgin + Vit C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NT-52

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
35	Flodo.vet	Florfenicol, Tylosin tartrate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gà, vịt	NT-54
36	D.O.C Thái	Thiamphenicol, Oxytetracycline	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm ruột, viêm tử cung, tiêu chảy, THT, viêm màng phổi trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	NT-55
37	Macavet	Florfenicol, Doxycycline	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm tử cung, viêm đạo, viêm màng não	NT-56
38	Genta-Tylo	Gentamycin, Tylosin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm dạ dày ruột, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	NT-57
39	Thái-Cox	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 50; 100; 500ml	Phòng và trị cầu trùng gà	NT-62
40	Dexa. Thái	Dexamethason acetate	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kháng viêm trong các trường hợp viêm khớp, thấp khớp, viêm gan cấp tính và mãn tính ở trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo	NT-63
41	Atropine 0,1%	Atropine sulfate	Lọ, ống	2; 5; 10; 20ml	Giảm trương lực cơ trơn, giải độc, giảm tiết dịch	NT-64
42	Vitamin K 1%	Vitamin K	Lọ, ống	2; 5; 10; 20ml	Trị rối loạn đông máu do thiếu hụt vitamin K	NT-66
43	Sul-depot	Sulfadimethoxin, Trimethoprim	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1; 2 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin và Trimethoprim gây ra trên gia cầm	NT-71

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
44	Calci-Mg	Calcium gluconat, Magnesium	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng và điều trị các bệnh do thiếu calci, magie, phospho	NT-72
45	Antifaciolid (Đặc trị sán lá gan)	Nitroxinil	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị sán lá gan trên trâu, bò, cừu, dê, gia cầm, chó	NT-73
46	T.M.T (Tiên mao trùng)	Diminazen aceturat, Antipyrin	Chai	20ml (Diminazen aceturat: 1,05g; Antipyrin: 1,31g)	Trị ký sinh trùng đường máu trên gia súc	NT-74
47	Dicofen-NT	Diclofenac Na	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng trị viêm khớp, viêm xương khớp, rối loạn cơ xương, hội chứng đau dây hông trên trâu, bò, ngựa, chó, mèo	NT-75
48	Butamin-NT	Butafosfan, Vitamin B_{12}	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Chống suy nhược do rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	NT-76
49	Romazin	Acepromazine maleate	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Chống co giật, giảm đau, an thần	NT-78
50	Anti-cox	Sulfaquinoxalin, Pyrimethamin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1; 2 lít	Phòng và điều trị bệnh cầu trùng ở gà, vịt, chim	NT-80
51	Digicofin-NT	Caffeine, Natri Salicylate, Ephedrine Hydrochloride, Digitoxin	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Suy tuần hoàn cấp tính, sự sống bị đe dọa, Đau bụng, Phẫu thuật, Bệnh tim mạch do nhiễm trùng, Dự phòng sau khi gây mê nếu lượng thuốc gây mê vượt quá ngưỡng cho phép	NT-81

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
52	Furomid	Furosemid	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các chứng gây phù do bất kỳ nguyên nhân nào, lợi tiểu, trị chứng báng nước	NT-83
53	Tulavet	Tulathromycin, Monothioglycerol	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm kết mạc trên trâu, bò, lợn	NT-85
54	Sutrim-NT	Sulfadimethoxin Ormetoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg	Trị bệnh do khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin, ormetoprim gây ra trên gia cầm, gia súc	NT-87
55	Amoxicoli-TA	Amoxicillin trihydrat, Colistin	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	NT-88
56	Costop-TA	Sulfachlozin	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng trên gia cầm	NT-89
57	TA-Flumex 30%	Flumequin sodium	Lọ, chai	lọ 10, 20, 100, 500ml, 1, 2, 5, 10 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NT-90
58	Gentatylo-TA	Gentamycin, Tylosin	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg	Trị CRD, tụ huyết trùng, thương hàn, sưng phù đầu, suyễn, viêm phổi, tiêu chảy ở lợn và gia cầm	NT-91
59	TA-Gluco-K-C	Vitamin C, Vitamin K, Glucose	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg	Cung cấp năng lượng, giải độc, giải nhiệt, chống nóng, chống stress	NT-92
60	TA-NEO.40	Neomycin sulfate, Oxytetracycline HCl	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin, Oxytetracycline gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NT-93
61	Quinodin-TA	Sulfaquinoxalin Sulfadimidin	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg	Trị cầu trùng, tiêu chảy, thương hàn, bạch lỵ, Coryza, sưng đầu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	NT-94

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
62	Tydox-TA	Tylosin tartrat, Doxycyclin hyclat	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	NT-95
63	Vitamin C 20	Vitamin C	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin C, stress (do dùng vaccin, nhiễm bệnh, di chuyển, độ ẩm cao, nhiệt độ cao hoặc thay đổi nhiệt độ quá lớn) trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	NT-96
64	Anti-Coxi-TH	Sulfaquinoxalin	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg	Trị cầu trùng trên thỏ, gia cầm	NT-97
65	Fe+B_{12}	Sắt, Vitamin B_{12}	Ống, lọ	2 ml, 5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Phòng và điều trị thiếu máu	NT-98
66	Giải độc gan	Sorbitol, Methionine Cholin chlorid	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2, 5, 10kg	Trị hội chứng gan nhiễm mỡ trên trâu, bò, ngựa, dê, thỏ, chó, lợn, gia cầm	NT-99
67	Levasol 7,5%	Levamisol	Lọ, chai	10, 20, 50, 100, 500ml, 1, 2, 5, 10 lít	Trị nội ký sinh trùng: Nhiễm giun Strongylus ở dạ dày, ruột, phổi	NT-100
68	Lidocain 2%	Lidocain	Ống, lọ	2 ml, 5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Gây tê cục bộ để tiến hành phẫu thuật trên trâu bò, ngựa, chó, mèo	NT-101
69	Nicolosol	Niclosamid Levamisol	Hộp, lọ, vỉ	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500 viên	Trị giun đũa, giun móc, sán dây trên chó	NT-102
70	Tẩy giun sán (Fluzon)	Flubendazol	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2,5, 10kg	Trị giun tròn, giun đũa, giun tóc trên gia cầm	NT-103
71	Amoclanic-NT	Amoxicillin trihydrat Acid clavulanic	Hộp, lọ, vỉ	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500 viên	Trị nhiễm trùng da, mô, viêm xoang, viêm phế quản, nhiễm trùng đường tiết niệu, nhiễm trùng đường tiêu hóa	NT-104

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
72	Cadic-NT	Sulfaguanidin; Framycetin sulfat; Atropin	Hộp, lọ, vỉ	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500 viên	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên chó	NT-105
73	TH.Quin.100	Flumequine	Chai, lọ	10, 20, 100, 500 ml, 1, 2, 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hệ hô hấp, đường tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	NT-106
74	TH.Flodex.10	Florfenicol	Chai, lọ	10, 20, 100, 500 ml, 1, 2, 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hệ hô hấp trên lợn, gia cầm.	NT-107
75	TH.Colitrim	Colistin sulfat Trimethoprim	Gói	10, 20, 50, 100, 500 gam, 1, 2, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Trimethoprim gây ra trên bê, cừu non, thỏ, lợn, gia cầm	NT-108

9. Công ty TNHH Dược thú y Thăng Long

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	TĐ. Flumequin	Flumequin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị Colibacillosis, Pasteurellosis, Salmo-nellosis trên bê, nghé, lợn, gia cầm	TL-31
2	TĐ. Florcin	Florfenicol	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	TL-32
3	TĐ. Paracetamol	Paracetamol	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiệu chứng sốt do nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính	TL-34
4	TĐ-Doxy Tylan	Doxycyclin Hyclate, Tylosin Tartrate	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	TL-38
5	TĐ-Amoxy Extra	Amoxycillin	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilln trên bê, cừu, lợn, gia cầm	TL-39

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
6	TĐ-Ampidecoli	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên gia cầm	TL-40
7	Đặc trị phân xanh, phân trắng	Colistrin sulfate, Neomycin sulfate	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị ỉa chảy, phó thương hàn trên bê, nghé, cừu non, dê non, lợn con, gia cầm, thỏ	TL-41
8	TĐ-Damiton	Sulfamonomethoxine, Trimethoprim	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, cầu trùng, viêm tử cung, nhiễm trùng huyết, viêm vú, tiết niệu, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	TL-42

10. Công ty Cổ phần Thú y xanh (Greenvet)

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Amoxycol - WS	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị *E.coli*, viêm ruột hoại tử, tụ huyết trùng, thương hàn, coryza, nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	GRV-46
2	Trimazol - 480WS	Sulphadiazin, Trimethoprim	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị *E.coli, Sallmonella,* tụ huyết trùng, nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	GRV-47
3	Neox - chick	Oxytetracycline, Neomycin sulphate, Vitamin	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn, tăng sức đề kháng	GRV-48
4	Neo-dox Plus	Doxycycline hyclate, Neomycin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, E.coli, thương hàn, suyễn, nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	GRV-50
5	Coli - S 1200WP	Colistin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị các vi khuẩn gây bệnh nhạy cảm với Colistin trên gia súc, gia cầm	GRV-51

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
6	Doxygen	Gentamicin sulphate, Doxycycline hyclate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, *E.coli*, tụ huyết trùng, thương hàn, *Heamophilus* trên gia súc, gia cầm	GRV-52
7	Doxycol	Doxycycline hyclate, Colistin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, *E.coli*, tụ huyết trùng, thương hàn, suyễn, *Heamophilus* trên gia súc, gia cầm	GRV-53
8	LS - Forte	Spectomycin, Lincomycin	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, *E.coli*, tụ huyết trùng, thương hàn, suyễn, ileitis trên gia súc, gia cầm	GRV-54
9	Neomix	Neomycin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với neomycin trên gia súc, gia cầm	GRV-55
10	OTC 220 Premix	Oxytetracycline	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm đường ruột, viêm teo mũi, bệnh nghệ do *Leptospira* trên heo. Trị viêm ruột do vi khuẩn trên cừu, dê con. Viêm đường ruột do vi khuẩn và viêm phổi trên bê, nghé	GRV-56
11	Doxymix 12,5%	Doxycycline (hyclate)	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm phổi trên heo	GRV-57

11. Công ty Cổ phần dược phẩm xanh

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Brom Plus	Bromhexine HCl	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị triệu chứng về rối loạn hô hấp - giảm cơn hen	GRP-11
2	Megacox	Sulfaclozine	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng	GRP-13

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Gentadox	Gentamicin sulphate Doxycyclin hyclate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, E.coli, tụ huyết trùng, thương hàn, Heamophilus trên gia súc, gia cầm	GRP-14
4	Linco-S Premix	Spectinomycin, Lincomycin	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, E.coli, tụ huyết trùng, thương hàn, suyễn, ileitis trên gia súc, gia cầm	GRP-16
5	Colimox WS	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị E.coli, viêm ruột hoại tử, tụ huyết trùng, thương hàn, coryza, nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	GRP-17
6	Quino - cox	Sulfaquinoxaline, Trimethoprim	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng, nhiễm Coli huyết trên gà, vịt, ngan, cút	GRP-18

12. Công ty cổ phần thuốc thú y Đất Việt

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	V-Top.E^{+}	Neomycine, Oxytetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycine và Oxytetracycline trên bê, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-1
2	V-T.Cocid	Trimethoprim, Sulfadimethoxine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị cầu trùng, viêm ruột, nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, dê, cừu non, lợn con, gà, thỏ	Vietvet-2
3	V-T.Cosvit	Trimethoprim, Sulfachloropyridazine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, viêm phổi trên bê, nghé, lợn, gia cầm	Vietvet-3
4	V-Restop	Doxycycline, Tylosin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị viêm dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-4

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
5	V-Ampi-Col.I	Ampicillin, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, hội chứng MMA trên bò, cừu, lợn, gia cầm.	Vietvet-5
6	V-T.Ngan Vit	Oxytetracycline, Tylosin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, khớp, da trên lợn, gia cầm.	Vietvet-6
7	V-Ampi-Col.E	Ampicillin, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Colistin gây ra trên bò, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-7
8	V-TTS	Spiramycin, Oxytetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Oxytetracycline trên lợn, bê, gà, vịt, ngan	Vietvet-8
9	V-Gendoxy.T	Doxycycline, Gentamycin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, gà, ngan, vịt	Vietvet-9
10	V-T.Flo 40S	Florfenicol	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên lợn	Vietvet-10
11	V-T.Nấm phổi	Nystatin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng trị nấm trên gia cầm.	Vietvet-11
12	V-T.Flu 100S	Flumequine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, gia cầm.	Vietvet-12
13	V-T.Coc 300S	Sulfachloropyrazine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, thương hàn trên gà.	Vietvet-13
14	V-T.Sacoli	Neomycin, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, cừu non, dê non, heo, gia cầm, thỏ.	Vietvet-14
15	T.T.S Blue	Spiramycin, Trimethoprim	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, dê, cừu, dê, gia cầm, thỏ	Vietvet-15

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
16	T.Leva-GS	Levamisol	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1 kg	Phòng và trị giun dạ dày - ruột, phổi trên trâu, bò, lợn, gia cầm	Vietvet-16
17	T. Amo-Coli	Amoxicilline, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, sinh dục trên bê, lợn, gia cầm	Vietvet-17
18	T. Doxin 200	Doxycyclin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-18
19	Doxy 50%-HP	Doxycyclin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-19
20	T.Amoxy 50%	Amoxicilline	Túi, hộp	50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10 kg	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, hồng lỵ, nhiễm trùng máu, viêm nhiễm đường tiết niệu, viêm da trên lợn	Vietvet-20
21	Anticoc 100 HP	Sulfadimethoxine, Trimethoprim	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị cầu trùng, viêm ruột, nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, dê, cừu non, lợn con, gia cầm, thỏ	Vietvet-21
22	T. Gendox 20/20	Gentamycin, Doxycyclin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	Vietvet-22
23	T. Dotylo Extra	Doxycyclin, Tylosin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-23
24	T.Amoxy 150	Amoxicilline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm khuẩn niệu sinh dục trên bê, lợn, gia cầm	Vietvet-24

13. Công ty Cổ phần đầu tư liên doanh Việt Anh

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Viaenro - 5 inj	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, các bệnh ỉa chảy,..	VA-06
2	Via Quino-10	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, các bệnh ỉa chảy,..	VA-07
3	Tylosin 5% inj	Tylosin tartrat	Lọ	10; 50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, hen suyễn, CRD,..	VA-08
4	Chlotetrason 10% inj	Chlotetracyclin	Lọ	5, 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	VA-09
5	Oxytetracyclin 10%	Oxytetracyclin HCL	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh viêm phổi, viêm ruột, dạ dày,...	VA-10
6	Via.Vitamin B_1	Vitamin B_1	Lọ	50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin B_1	VA-11
7	Viamectin-25	Ivemectin	Lọ	10; 20; 100ml	Tẩy các loại giun, trị các loại ký sinh trùng	VA-12
8	Tiamulin HF 10%	Tiamulin HF	Lọ	10; 20; 100ml	Phòng và trị nhiễm khuẩn đường hô hấp như viêm phổi, suyễn, viêm màng phổi	VA-13
9	Vitamin C 5%	Vitamin C	Lọ	50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin C	VA-14
10	B Complex	Vitamin nhóm B	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin	VA-15
11	Spolymycin	Colistin sulfate	Lọ	10; 20;100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, viêm xoang, vịt khẹc, thương hàn, phân trắng,	VA-16
12	Nor.E.Coli	Norfloxacin HCL	Lọ	20; 10; 100ml	Phòng và trị viêm ruột, ỉa chảy, THT, đóng dấu, viêm phổi, CRD, CCRD	VA-18
13	Viamoxyl	Amoxycilline	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline	VA- 19

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
14	Viaprimazin	Trimethoprime, Sulfadiazine	Lọ	10; 20; 100ml	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprime và Sulfadiazine	VA- 20
15	Rovamycin	Spiramycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị các bệnh do Mycoplasma và các vi khuẩn Gr(+), Gr (-) gây ra	VA- 23
16	Glucose 30%	Glucose	Chai	10; 20; 50; 100ml	Cung cấp năng lượng, tăng sức đề kháng	VA- 25
17	Via.Antibio	Ampicilline trihydrate, Colistin (sulfat), Dexa	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh đường ruột, viêm phổi, đường tiết niệu cho trâu, bò, lợn, cừu, ngựa	VA- 26
18	Viaflox 100	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine cho trâu, bò	VA- 27
19	Viaquyl 60S	Flumequine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	VA- 29
20	Viaflox 50	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine cho trâu, bò, lợn, chó	VA- 30
21	Viaquino 100	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine cho gia cầm	VA- 31
22	Viaquino 25	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine cho bê, nghé.	VA- 32
23	Vialimox	Amoxycilline (trihydrate), Colistin	Lọ	20; 50; 100ml.	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline và Colistin cho lợn, bê, nghé	VA- 36
24	Viatylan 20%	Tylosine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	VA-39

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
25	Viacolin	Kanamycine sulfat, Colistin sulfat	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycine và Colistin lợn, chó, mèo	VA-40
26	VIA.Khớp	Phenylbutazone	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm khớp, viêm màng hoạt dịch, viêm vú, tử cung	VA-45
27	VIA.Suyễn	Doxycyclin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản trên trâu, bò, lợn	VA-46
28	VIA.Doxyl LA	Doxycyclin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản, hen suyễn trên trâu, bò, lợn	VA-47
29	Đặc trị E.coli sưng phù đầu-VIA	Flumequine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh sưng phù đầu trên lợn do E.coli	VA-49
30	Via. Gentamox	Amoxycilline, Gentamycin	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline và Gentamycin	VA-52
31	Via.Gine+C	Analgine, Vitamin C	Chai	10; 20; 50; 100ml	Chữa cảm nắng, sốt cao, thấp khớp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	VA-54
32	Via.flor LA	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	VA-58
33	Viaenro-25	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, sinh dục trên bê, nghé	VA-59
34	Via.Coccid	Sulfaquinoxalin, Pyrimethamine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị cầu trùng, nhiễm trùng đường tiêu hóa trên gia cầm, thỏ	VA-63
35	Chloterason	Doxycycline HCL	Chai	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	VA-9
36	Via.cox Toltral	Toltrazuril	Lọ	10, 20, 50, 100, 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng ở gà	VA-66

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
37	Đặc trị E.coli sưng phù đầu	Flumequine	Chai	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	VA-67
38	Viatril	Enrofloxacine base	Chai	10, 20, 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine	VA-69
39	Via. Fer dextran B_{12}	Fer dextran, B_{12}	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị thiếu máu do thiếu sắt ở bê và lợn con	VA-72
40	Via. Flosol oral	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp do VK nhạy cảm với Florfenicol trên lợn, gia cầm	VA-77
41	Azquinotec	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp, sinh dục do VK nhạy cảm với Enrofloxacin trên gia cầm	VA-78
42	Az Flotec 23% oral	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol trên lợn	VA-81
43	AZ DIPAFENAC	Diclofenac sodium	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1 l	Hạ sốt, giảm đau trong đau bụng, bệnh đường ruột, viêm vú, viêm khớp cấp tính, mãn tính và an thần trên bò, cừu, dê, ngựa, lạc đà, chó và mèo	VA-83
44	AZ Gluco KC Bamin	Vitamin C, Calcium gluconogluco heptonate Sodium Hypophosphite	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1l	Bổ sung Vitamin C, Calci, Phospho cho hoạt động của hệ thần kinh, cơ bắp và tim mạch. Tăng cường chuyển hóa trên bò, cừu, dê, lợn, ngựa, chó, mèo	VA-84
45	AZ - Meloxicam	Meloxicam	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1l	Chống viêm giảm đau trong các bệnh về cơ, xương cấp tính và mãn tính. Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm vú, nhiễm trùng huyết trên bò, ngựa, lợn	VA-87

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
46	Ivermec 1%	Ivermectine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tẩy giun tròn, giun phổi, giun dạ dày, giun đường tiêu hóa và các loại ấu trùng. Diệt ve, ghẻ, bọ chét, chấy rận ở bò, cừu, lợn	VA-89
47	VIA.Bromhexin	Bromhexine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tác dụng loãng đờm, tan đờm, hỗ trợ điều trị các bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	VA-90
48	VIA.hepatol + B_{12}	Sorbitol, Methionine, Vitamin B_{12}, Vitamin B_6, Vitamin B_2	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tăng tiết mật, giải độc và tăng cường chức năng gan cho thú khi mắc các bệnh nhiễm trùng, sử dụng kháng sinh nhiều ngày, ngộ độc thức ăn	VA-91
49	Az.amoxy-col 20%	Amoxycillin trihydrat, Colistin sulfat	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, đường hô hấp, đường sinh dục trên bê, cừu, lợn, gia cầm	VA-93
50	Az.doxtyl 300 extra	Tylosine tartrate, Doxycycline hyclate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị nhiễm trùng do các chủng nhạy cảm với Tylosine, Doxycycline trên bê, nghé, lợn, gia cầm	VA-94
51	Az.quino 20% gold	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên gia cầm, trâu, bò, bê, cừu, dê	VA-95
52	Az.gentidox	Gentamycin sulfat, Doxycycline hyclate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin, Doxycycline trên trâu, bò, lợn, gia cầm	VA-96
53	Az.tylo 200	Tylosine tartrate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị bệnh hô hấp mãn tính trên gia cầm, viêm màng hoạt dịch và viêm xoang trên trâu, bò, lợn	VA-97

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
54	Az.levasol 20%	Levamisole HCL	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Phòng và điều trị các loại giun ở các loài gia súc, cừu, dê, lợn, gia cầm	VA-98
55	Az.cocidial usa	Sulfaclozine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị cầu trùng, thương hàn, dịch tả trên gia cầm	VA-99
56	Aztosal	Butaphosphan, Vitamin B12	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1 lít	Trị rối loạn chuyển hóa do sau khi điều trị bệnh, dinh dưỡng kém, dưỡng chất không đầy đủ	VA-101

HƯNG YÊN

14. Công ty Cổ phần Hùng Nguyên

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, thỏ, gia cầm	NGH- 90

15. Công ty Cổ phần Provet Việt Nam

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Doxypro 20%	Doxycycline HCL	Gói, lon, xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên bê	PRO-16
2	Promoxy 50%	Amoxicillin trihydrate	Gói, lon, xô	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm phế quản truyền nhiễm trên lợn	PRO-17

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Promyco	Enrofloxacin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp và tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	PRO-18
4	Prodoty	Doxycycline HCl Tylosin tartrate	Gói, lon, xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, heo, dê, cừu, gia cầm	PRO-19
5	Pro-Sulfacoc	Sulfaquinoxalin, Trimethoprim	Gói, lon, xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5kg	Trị cầu trùng, tụ huyết trùng, thương hàn trên gia cầm	PRO-20

TỈNH THÁI NGUYÊN

16. Công ty cổ phần thuốc thú y Đức Hạnh (MARPHAVET)

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Martrill 10%	Enrofloxacin	Chai, lọ	10, 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm khớp, viêm đường hô hấp cho trâu, bò, lợn, nhiễm trùng đường tiết niệu ở chó	MAR-22
2	Alflox oral	Norfloxacin base	Chai, lọ	10, 50, 100, 250, 500ml	Trị tụ huyết trùng trên trâu, bò, lợn, viêm khớp bò do M. bovis, nhiễm trùng niệu	MAR-21
3	Markacolis	Kanamycin, Colistin	Chai, lọ	10, 50, 100, 250, 500ml	Trị THT trâu bò, ỉa chảy trên gia súc, chó, mèo và bạch lỵ ở gà	MAR-7
4	Quinocoli	Norfloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	MAR-12

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Martrill 5%	Enrofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó	MAR-13
6	Nor.ecoli	Norfloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, khớp trên trâu, bò, lợn, chó	MAR-14
7	Martylan	Tylosin tartrate	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	MAR-1
8	Marphamox-LA	Amoxycillin	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	MAR-2
9	Marfluquine	Flumequine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do VK nhạy cảm với Flumequinetrên trâu, bò, ngựa, lợn, gia cầm	MAR-4
10	Colimar.inj	Colistin	Chai	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin ở trâu, bò, ngựa, lợn, cừu, thỏ, gia cầm	MAR-5
11	Martin LA	Ivermectin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên bò	MAR-23
12	Mar-Cetius-new	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bò, heo	MAR-24
13	Marenro 10	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng sinh dục trên gia gia cầm	MAR-26
14	Marzurilcoc	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gà	MAR-27

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
15	Big coc	Sulfadiazine, Trimethoprime	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadiazine và Trimethoprime	MAR-29
16	Mar-Flor LA	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	MAR-30
17	Marnagin-C	Dipyrone	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Thuốc giảm đau cho trâu bò, lợn và chó	MAR-31
18	Marphamox-gen LA	Amoxicilline, Gentamycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilline, gentamycin trên trâu, bò, lợn	MAR-36
19	Colicoc	Sulfadimidine Sulfaquinoxaline	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimidine, Sulfaquinoxa-line trên gia cầm	MAR-37
20	Mectin-27	Ivermectin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị ký sinh trùng nhạy cảm với Ivermectin như giun tròn, giun phổi, chấy, rận và bọ ve	MAR-38
21	Marflovet	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn gram(-) và gram(+) mẫn cảm với Florfenicol gây ra trên lợn, gia cầm	MAR-40
22	Oxtaxin 5%	Oxytetracycline (HCl)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị vi khuẩn nhạy cảm với oxyte-tracycline gây ra trên trâu, bò, cừu, dê, lợn, ngựa, chó, mèo	MAR-41
23	Marflo-45%	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol trên trâu, bò	MAR-42
24	Martylan@	Tylosine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosine gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	MAR-43

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
25	Enroflocin	Enrofloxacine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với enrofloxacine gây ra trên bê	MAR-45
26	Doxy-Hencoli	Doxycycline (hyclate)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên lợn, gà	MAR-48
27	Toltracoccis	Totrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị cầu trùng trên lợn con	MAR-54
28	Methocin -Tri	Sulfadimethocin Trimethoprime	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm Trimethoprime và sulfadimethoxine trên gia cầm, thỏ	MAR-57
29	Trisulfa	Sulfadimethocin Trimethoprime	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Sulfadimethoxine trên ngựa, bò, cừu, dê, lợn, chó, mèo	MAR-58
30	Nanococ	Sulfadimethocin Trimethoprime	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với trimethoprime và sulfadimethoxine trên thỏ	MAR-59
31	Nanococcis	Sulfadimethocin Trimethoprime	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimidine và Sulfaquino-xaline trên gia cầm	MAR-60
32	Coli- Lỵ	Colistin (sulfate)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với colistine trên bê, lợn, cừu, gia cầm	MAR-61
33	E.coli-Viêm	Colistine Ampicilline	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Colistine và Ampiciline gây ra trên bò, cừu, dê, lợn	MAR-65

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
34	Cefadog	Cefalexine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn mô mềm, nhiễm trùng da, nhiễm khuẩn đường hô hấp, nhiễm trùng đường tiết liệu trên chó, mèo	MAR-72
35	Nanocoli	Sulfadimidine Suulfaquinoxaline	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimidine và Sulfaqui-noxaline trên gia cầm	MAR-73
36	Nanotylan	Tylosine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, tiêu hóa, viêm vú trên trâu, bò, dê, cừu và lợn	MAR-74
37	Nanoflocin	Flofenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	MAR-77
38	Ceptyl	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur trên trâu, bò, lợn	MAR-82
39	Nanomoxcoli	Amoxicilline Colistine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng huyết, nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm tĩnh mạch trên bê, lợn, chó, mèo	MAR-84
40	Marfluquyl	Flumequine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp và tiết niệu do vi khuẩn nhạy cảm với flumequine trên ngựa, bò, cừu, dê, lợn và gia cầm	MAR-85
41	Nanoenro	Enrofloxacine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm da, nhiễm trùng huyết trên trâu, bò, lợn, chó	MAR-86
42	Enrohen	Enrofloxacine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine gây ra	MAR-88

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
43	Úm chuyên dụng	Amoxicilline; erythromycin	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Amoxi-cilline và erythromycin	MAR-90
44	OTC 300-LA	Oxytetracyclin; Flunixin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị bệnh đường hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	MAR-91
45	Amox-colis	Amoxicilline Colistine	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, đường hô hấp trên bê, dê, cừu, gia cầm và lợn	MAR-92
46	Doxy-colis	Doxycycline Colistine	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh đường tiêu hóa, đường hô hấp trên bê, dê, cừu, gia cầm, lợn	MAR-93
47	Doxy-tylan	Doxycycline Tylosine	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, dê, cừu, gia cầm, lợn	MAR-94
48	Ery-colis	Erythromycine Colistine	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị viêm dạ dày, ruột trên bê, ngựa con, dê, cừu, lợn	MAR-95
49	Genta-doxy	Doxycycline Gentamicine	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, dê, cừu, gia cầm, lợn	MAR-96
50	Marcoc-e.coli	Sulfadimethoxine Colistine (sulfate)	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000g	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên bê, cừu	MAR-97
51	Marphamox-100	Amoxicilline (trihydrate)	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm phế quản, viêm phế quản phổi, viêm phổi, viêm màng phổi, nhiễm trùng đường tiêu hóa, nhiễm khuẩn đường tiết niệu, nhiễm trùng da trên chó, mèo, bò, heo con	MAR-98

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
52	Sulfa.tri 5-1	Trimethoprime Sulfadimethoxine	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1000g	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprime Sulfadime-thoxine: Nhiễm trùng huyết, nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm trùng da, viêm khớp và viêm màng hoạt dịch trên bê	MAR-99
53	Tri-erycine	Trimethoprime Erythromycine	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1000ml	Trị viêm vú lâm sàng	MAR-100
54	Bendazole	Fenbendazole	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1, 3, 5kg	Trị ký sinh trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	MAR-101
55	Coli 102 Oral	Colistine sulfate Trimethoprime	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị bệnh nhiễm trùng dạ dày ruột trên bê, nghé, cừu non, lợn con	MAR-102
56	CEF 750	Cefquinome sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị viêm vú lâm sàng trên bò sữa	MAR-103
57	Lincocin 40%	Lincomycine (HCl)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm ruột trên lợn, gà	MAR-104
58	Tetra-tylo	Tetracycline (HCl) Tylosine tartrate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm phổi trên bê	MAR-105
59	Ticosin mix	Tilmicosine photphate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	MAR-106
60	Atropin	Atropin sulfate	Chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Giãn đồng tử mắt trên ngựa, chó, mèo	MAR-107
61	Cef-5	Cefquinome sulfate	Chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	MAR-108

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
62	Cầu trùng viêm ruột TC	Chlortetracycline, Sulfadimidine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Chlortetracycline, Sulfadimidine trên bê, cừu non	MAR-109
63	Super trứng	Doxycycline hyclate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột trên bê, nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn, gà	MAR-110
64	Doxymix 400	Doxycycline hyclate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng phổi do Pasteurella multocida trên lợn	MAR-111
65	Doxy hen suyễn Coli	Doxycycline hyclate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn. Trị CRD trên gà	MAR-112
66	Ampimix	Ampicillin trihydrate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên gà, vịt	MAR-113
67	Ampi 800	Ampicillin trihydrate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên lợn	MAR-114
68	Ampicolis T	Ampicilline, Colistin (sulfate)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn nội mạc tử cung trên bò	MAR-115
69	Danoflocin	Danofloxacine mesylate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm vú cấp tính, viêm ruột do E.coli trên trâu bò và bê nghé	MAR-116
70	Marbocin 200	Marbofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, lợn	MAR-117
71	Tilsinmar	Tilmicosine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm vú, viêm móng trên trâu, bò, cừu	MAR-118
72	Marphamox 140-LA	Amoxicilline, Acid Clavulanic	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò	MAR-119

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
73	Cefanew-LA	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, viêm đa khớp, nhiễm trùng huyết trên lợn	MAR-120
74	Chlortetra	Chlortetracycline HCl	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1kg	Trị nhiễm trùng đường phổi, đường ruột trên thỏ, lợn, cừu con cai sữa, gia cầm	MAR-121
75	Chlortetra-sulfa	Chlortetracycline HCl, Sulfametho-xypyridazine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Chlortetracycline và Sulfamethoxy-pyridazine gây ra trên lợn, bê, cừu	MAR-122
76	Oxytetra-LA	Oxytetracycline dihydrate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục, nhiễm trùng huyết trên trâu, bò, cừu, lợn	MAR-123

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

17. Công ty liên doanh Bio-Pharmachemie

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Bio-albenol 2,5% plus	Albendazole; Selenium; Cobalt	Chai	60; 150; 250; 500 ml; 1; 5 lít	Trị sán lá gan, giun phổi, và các loại giun tròn đường ruột trưởng thành, chưa trưởng thành và trứng ở trâu, bò, dê, cừu	LD-BP-467
2	Bio-amox.clav	Amoxicillin trihydrate Clavulanic acid	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250 ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiết niệu, sinh dục trên trâu, bò, dê, cừu, bê, chó, mèo, lợn	LD-BP-468
3	Bio-ceptiofur	Ceftiofur sodium	Chai	1; 4g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn; viêm đường tiết niệu trên chó; Khống chế tỷ lệ chết sớm ở gà 1 ngày tuổi	LD-BP-469

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
4	Bio-Levaxantel	Praziquantel Levamisole HCl	Chai	60; 150; 250; 500 ml; 1; 5 lít	Phòng và trị sán dây, giun đũa, giun kim, giun phổi, giun tóc, giun xoăn trên gia cầm	LD-BP-470
5	Bio-Tilmicosin	Tilmicosin	Chai	60; 150; 250; 500 ml; 1; 5 lít	Trị bệnh tụ huyết trùng, viêm phổi, CRD trên lợn, gia cầm	LD-BP-471
6	Bio-Tulacin 100	Tulathromycin	Chai	5;10; 20; 50; 100; 250 ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	LD-BP-472
7	Bio-florsone 400 LA	Florfenicol	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, ỉa chảy, viêm khớp, đau móng, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	LD-BP-473
8	Bio-genta mas	Cephalexin monohydrate, Gentamycin sulfate	Syringe	5; 10; 20ml	Trị viêm vú trên bò sữa, dê, cừu	LD-BP-474

18. Công ty Cổ phần Saigonvet

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	SG.Cept	Ceftiofur sodium	Chai	1g, 5g, 10g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tụ huyết trùng, viêm phổi cấp tính, thương hàn, viêm tử cung trên heo, trâu, bò, dê, cừu, gia cầm	HCM-X2-255
2	SG. Vetemuc-C	Acetylcystein, Vitamin C	Gói, hộp, bao	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Làm loãng đàm, dùng kết hợp kháng sinh trong bệnh suyễn heo do Mycoplasma, hen gà, khẹc vịt	HCM-X2-258

19. Công ty TNHH Quốc Minh

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Colamoxin	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói, hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường ruột trên trâu bò, dê, cừu, heo và gia cầm	HCM-X20-145
2	B complex C	Vitamin: B_1, B_2, B_6, B_{12}, PP, C, Methionine, glucose, taurine	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị bệnh do thiếu vitamin, tăng sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	HCM-X20-146
3	Ampicol	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm trùng máu, viêm đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột, viêm dạ dày - ruột, viêm đa khớp, phù đầu, tụ huyết trùng, thương hàn	HCM-X20-147
4	Peta - Amcoli sus	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm trùng máu, viêm đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột, viêm dạ dày - ruột, viêm đa khớp, phù đầu, tụ huyết trùng, thương hàn	HCM-X20-148
5	Dexaject	Dexamethasone sodium phosphate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Chống dị ứng, viêm da, viêm khớp, viêm bao khớp, bệnh aceton, keton huyết, shock và stress	HCM-X20-149
6	Gentamoxyl	Gentamycin sulfate Amoxicillin trihydrate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị viêm phổi, bệnh Clostridia, viêm ruột, viêm khớp	HCM-X20-150
7	Fer B_{12} ject	Iron dextran, Vitamin B_{12}	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Phòng thiếu máu do thiếu sắt, bổ sung vitamin cần thiết giúp thú tăng trọng nhanh	HCM-X20-151

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
8	Amoxyla	Amoxicillin trihydrate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp do vi khuẩn Gam+, Pasteurella	HCM-X20-152
9	Vita C ject	Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Tăng sức đề kháng, giảm và ngăn ngừa stress, kích thích thú ăn nhiều, phục hồi nhanh sức khỏe sau điều trị trên trâu, bò heo, chó, mèo	HCM-X20-153
10	Mectinject	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nội, ngoại, ký sinh trùng trên trâu, bò, heo	HCM-X20-154
11	Anagin ject	Analgin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Giảm đau, giảm co thắt, trị đau khớp và hạ sốt trên ngựa, trâu, bò, dê, cừu, heo, chó	HCM-X20-155
12	Florcombisone	Florfenicol Oxytetracyclin HCl	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu trên trâu bò, heo, dê, gia cầm	HCM-X20-156
13	Strepen inject	Benzylpenicillin procain Dihydrostreptomycin sulfate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm trùng trên trâu, bò, ngựa, heo, dê. Do vi khuẩn nhạy cảm với Penicilline và streptomycine gây ra	HCM-X20-157
14	Peta- OTC Spray	Oxytetracycline HCl	Lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm trùng vết thương trên gia súc	HCM-X20-158
15	Levaject	Levamisol HCl	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100, 200, 500ml	Trị nhiễm giun trên đường tiêu hóa, giun móc, giun đũa, giun thận và giun phổi...	HCM-X20-159
16	QM-FLOR. DOC	Florfenicol Doxycycline Hyclate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, viêm tử cung, viêm âm đạo, viêm màng não trên trâu, bò, heo	HCM-X20-160

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
17	Peta-analgin. C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng sức đề kháng, phòng ngừa stress, phục hồi sức khỏe sau khi bị bệnh	HCM-X20-161
18	Peta-enro 50 INJ	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên trâu, bò, heo	HCM-X20-162
19	Peta-spiratrep	Spiramycin Adipate Streptomycin sulfate	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị CRD, viêm túi khí, nhiễm trùng Staphylococcus, tiêu chảy do vi trùng, viêm phổi địa phương, dấu son, viêm phổi, viêm nội mạc tử cung, viêm khớp, áp xe, thương hàn	HCM-X20-163
20	Peta-tiacolijject	Tiamulin Fumarate, Colistin sulfate	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh hồng lỵ, viêm phổi địa phương, Mycoplasma	HCM-X20-164
21	Peta-leva inj	Levamysol	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị giun, sán đường tiêu hóa, phổi trên heo	HCM-X20-165
22	QM-Fosfan B_{12}	Butafosfan; Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Dùng bổ dưỡng cho thú khi cơ thể bị thiếu hụt dinh dưỡng, rối loạn hấp thu, thú bị thiếu phosphore, sinh sản kém, thú bị stress, kiệt sức, giảm sức đề kháng, thiếu máu	HCM-X20-166
23	QM-Tetra spray	Oxytetracyclin HCl	Bình xịt	100;200; 500ml.	Phòng và trị nhiễm trùng vết thương.	HCM-X20-168
24	QM-Colamoxin	Amoxicillin trihydrate; Colistin sulfate	Gói, bao, xô	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X20-169
25	QM-Flor oral	Florfenicol	Chai, bình	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5l	Trị nhiễm khuẩn tiêu hóa, hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X20-170

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
26	QM-Tilmycosin Oral	Tilmicosin phosphate	Chai, bình	5; 10; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 4; 5l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, heo, gia cầm	HCM-X20-171
27	QM- Apracin	Apramycin sulfate	Gói, bao, xô	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị viêm ruột trên bò, heo, gia cầm	HCM-X20-172

20. Công ty TNHH TM-SX thuốc thú y Song Vân

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tylodoxy	Tylosintartrate, Doxycyclin hydrate	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycyclin trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X18-97
2	Neodox	Doxycyclin hyclate, Neomycin sulfate	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Doxycyclin	HCM-X18-98
3	Gentadoxy	Doxycyclin hyclate, Gentamycin sulfate	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin và Doxycyclin trên bê, nghé, lợn và gia cầm	HCM-X18-99
4	Colidox	Colistin sulfate, Doxycyclin hyclate	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Doxycyclin ở lợn và gia cầm	HCM-X18-100
5	Gaspirin-C	Aspirin, Vitamin C	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Hạ nhiệt, giảm sốt, giảm stress cho vật nuôi	HCM-X18-101

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
6	Ampi-Coli	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfat	Gói, hộp, bao	10, 20, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Colistin trên gia súc, gia cầm	HCM-X18-102

21. Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Sài Gòn (SONAVET)

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Amoxin	Amoxycillin trihydrate; Bromhexin HCl	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiết niệu - sinh dục, đường tiêu hóa gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với amoxycillin	HCM X9-159
2	Coli WS	Colistin sulfate	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với colistin như: E.Coli, Haemophilus và Salmonella spp. ở bê, nghé, dê, cừu, heo và gia cầm	HCM X9-160
3	Intercox WS	Sulfaquinoxaline sodium	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị cầu trùng trên gia cầm, thỏ	HCM X9-161
4	Norflox WS	Norfloxacine	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM X9-162
5	Bactrim	Sulfamethoxazole Trimethoprim	Viên, lọ	700mg	Trị rối loạn sinh dục - tiết niệu, bệnh đường hô hấp, rối loạn da, bệnh màng não trên chó	HCM X9-171

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
6	Sulfa-coli	Colistin sulfate Sulfaguanidin	Viên, lọ	2g, 5g	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột trên bê, cừu	HCM X9-172
7	Lincocoli	Lincomycin HCl Colistin sulfate	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, bệnh lỵ, viêm phổi địa phương, viêm khớp, bệnh nhiễm trùng do Mycoplasma... trên heo, gia cầm	HCM X9-175
8	Neocoli	Neomycin sulfate Colistin sulfate	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, cừu non, dê non, heo con, thỏ, gia cầm	HCM X9-176
9	Tetramycine WS	Oxytetracycline HCl	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng gây ra do các vi khuẩn nhạy cảm với oxytetracycline trên bê, cừu, dê, heo, gia cầm	HCM X9-177

22. Công ty TNHH Noben

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tylo 400-crd	Tylosin(tartrate)	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị bệnh CRD trên gia cầm, bệnh viêm phổi, bệnh lỵ trên heo	HCM-X29-1
2	Colistin 200	Colistin(sulfate)	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị bệnh nhiễm trùng dạ dày, ruột trên gia súc, gia cầm	HCM-X29-2
3	Fluvit- 500	Flumequine	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị bệnh dạ dày - ruột, đường hô hấp gây ra ở gia súc, gia cầm	HCM-X29-3
4	Linco 200	Lincomycin	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, viêm vú, viêm phổi, bệnh dấu son, bệnh lỵ, viêm khớp, viêm da có mủ, tiêu chảy	HCM-X29-4

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Noceral	Norfloxacine; Ascorbic acid	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10 kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp, đường sinh dục	HCM-X29-5

23. Công ty TNHH Tân Huy Hoàng

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Hi-TYCO	Tylosin tartrate, Colistin sulfate	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị CRD, CCRD, E.Coli, thương hàn	HCM-X30-1
2	Hi-Tetraty	Tetracycline, Tylosine tartrate	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5kg	Trị nhiễm khuẩn ở phổi trên trâu, bò, heo	HCM-X30-2
3	Hi-AMPICO	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi, hộp	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột ở gia súc, gia cầm	HCM-X30-3
4	Hi-Doxy	Doxycycline	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X30-4
5	Hi-Levamysol 7,5%	Levamysol	Gói, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g; 1kg	Trị giun đũa, giun thận, giun phổi, giun lươn, giun mắt	HCM-X30-5

24. Công ty TNHH Kinh doanh thuốc thú y Minh Ngân

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Levamisole	Levamisole HCl	Gói	2, 20, 100g	Chuyên trị các loại giun đường hô hấp và đường tiêu hóa ở gia súc gia cầm	MNV-17

TỈNH TÂY NINH

25. Công ty TNHH SX-TM A.S.T.A

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Glucan Gum	Vitamin B_1, B_2, B_6, K, C, PP, Paracetamol, Methionine, Lysine, Potassium citrate, Sodium citrate, Phenyl butazole sodium	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Hạ nhiệt, giảm tiêu chảy, bổ sung vitamin cho gia cầm	ASTA-75
2	Sray-FD	Oxytetracyclin HCL	Chai, bình	5; 10; 20; 50; 100; 150; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng ngoài da	ASTA-77
3	Chlor-Ery	Erythromycin, Chlortetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1,5; 2; 5; 10kg	Trị viêm phổi, nhiễm trùng đường tiêu hóa trên heo, gia cầm	ASTA-81
4	Norsul	Norfloxacin	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị Mycoplasma, E.coli, Salmonella, Pasteurella trên gia cầm. Trị lỵ, viêm teo mũi, viêm phổi địa phương và viêm não do Streptococcus trên lợn	ASTA-89
5	Beta-Ro 20	Enrofloxacin	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp và tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	ASTA-90
6	Multi ADB	Vitamin A, D_3, E, C, K_3, B_1, B_2, B_6, B_{12}, Calcium pantothenate, Niacinamide, Biotin,	Túi,lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Hỗ trợ điều trị bệnh nhiễm trùng, giúp khắc phục tình trạng thiếu hụt vitamin và acid amin trên trâu, bò, gia cầm	ASTA-91

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
		Folic acid, Choline chloride, DL-Methionine, L-Lysine				
7	Oxystrepsol	Oxytetracycline HCL, Streptomycin sulphate, Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, Calcium pantothenate, Nicotinamide, Inositol	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	ASTA-92
8	Electrolyt	Potassium chloride, Sodium sulphate Sodium chloride, Magnesium sulphate, Copper sulphate, Zinc sulphate, Iron sulphate, Manganese sulphate, Citric acid	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Dùng trong trường hợp mất nước và điện giải do stress, nhiệt độ cao, nhiễm trùng và dinh dưỡng gây ra trên bê nghé, cừu non, heo con, gia cầm	ASTA-93
9	Doxygen	Doxycycline hyclate, Gentamycin sulphate	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	ASTA-94
10	Fosfotyl	Fosfomycin, Tylosin tartrate	Túi, lon	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 1.5; 2; 5; 10kg	Trị E.coli, thương hàn, viêm xoang mũi truyền nhiễm, tụ huyết trùng trên gia cầm	ASTA-95

TỈNH ĐỒNG NAI

26. Công ty TNHH Virbac Việt Nam

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Fortius PSP	Enrofloxacin	Gói, hộp, xô, thùng	100; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, niệu dục, nhiễm trùng máu, viêm da, viêm tuyến vú, sinh dục trên heo	LDVV-36
2	Virbamec premix	Ivermectin	Gói, hộp, xô, thùng	100; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Phòng và trị nội, ngoại ký sinh trùng	LDVV-37

27. Công ty TNHH Y.S.P Việt Nam

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Licofat - 44 Powder	Lincomycin Streptomycin	Gói, bao	50; 100; 500g, 1; 20kg	Trị kiết lỵ, tiêu chảy, viêm phổi trên lợn, gia cầm	YSPV-1
2	Florcol Oral solution 100mg/ml	Florfenicol	Chai	100; 500ml; 1; 3,8; 25l	Trị hô hấp, tiêu chảy, viêm ruột trên heo, gia cầm	YSPV-2
3	Ironwon Solution	Iron dextran, Colistin, Tylosin tartrate	Chai	100, 200, 500ml; 1 lít	Trị thiếu máu và tiêu chảy ở heo mới sinh	YSPV-3
4	Enflosin Oral Solution 100mg/ml	Enrofloxacin	Chai	1l	Trị nhiễm trùng do Mycoplasma, Salmonella, CRD, CCRD, Tụ huyết trùng trên gia cầm	YSPV-4
5	Clon Powder	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, bao	50; 100; 500; 1; 10; 20kg	Trị lỵ, viêm phổi, viêm khớp trên heo	YSPV-5

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
6	Chemix Powder 50%	Flumequine	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 20kg	Trị sưng phù đầu sổ mũi (Coryza), E.coli, Salmonella, Pasterella trên gia cầm. Trị nhiễm trùng hô hấp, đường ruột trên lợn	YSPV-6
7	Poly-E	Colistin sulfate	Túi, bao	20; 100g; 1; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	YSPV-7
8	Rican premix powder	Colistin sulfate	Túi, bao	100g; 10kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa trên heo, gia cầm	YSPV-8
9	Erythromycin-164 Soluble Powder	Erythromycin	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 20kg	Trị bệnh hô hấp, viêm màng hoạt dịch, viêm khớp trên gia cầm	YSPV-9
10	Amoxicillin Soluble Powder	Amoxicillin	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 10; 20kg	Trị bệnh do nhiễm E.Coli, thương hàn, liên tụ cầu khuẩn, viêm phế quản, viêm khớp, viêm màng não, nhiễm khuẩn gây tiêu chảy trên heo, gia cầm	YSPV-10
11	Amoxicillin 20% Soluble Powder	Amoxicillin	Gói, bao	20; 100; 500g, 1; 20kg	Trị bệnh do nhiễm E.Coli, thương hàn, liên tụ cầu khuẩn, viêm phế quản, viêm khớp, viêm màng não, nhiễm khuẩn gây tiêu chảy trên heo, gia cầm	YSPV-11
12	Amoxicillin 50% Soluble Powder	Amoxicillin	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 10; 20kg	Trị bệnh do nhiễm E.Coli, thương hàn, liên tụ cầu khuẩn, viêm phế quản, viêm khớp, viêm màng não, nhiễm khuẩn gây tiêu chảy trên heo, gia cầm	YSPV-12
13	Amoxicillin 50% Premix Powder	Amoxicillin	Gói, bao	100g; 1; 10; 20kg	Trị bệnh do nhiễm E.Coli, thương hàn, liên tụ cầu khuẩn, viêm phế quản, viêm khớp, viêm màng não, nhiễm khuẩn gây tiêu chảy trên heo, gia cầm	YSPV-13

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
14	Cefadroxil powder 150mg/g	Cefadroxil	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 20kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gr(-), Gr(+) gây ra	YSPV-14
15	Cephan 50 powder	Cephalexin	Gói, bao	20; 100g; 1; 20kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên heo, gia cầm	YSPV-15
16	OTC-20 Powder	Oxytetracycline	Gói, bao	10; 50; 100; 500g; 1; 10; 20kg	Trị viêm ruột, thương hàn, Coryza, bệnh phổi mãn tính	YSPV-16
17	OTC-20 Premix Powder	Oxytetracycline	Gói, bao	10; 50; 100; 500g; 1; 10; 20kg	Trị viêm ruột, thương hàn, Coryza, bệnh phổi mãn tính	YSPV-17
18	Yucomy-20 Premix Powder	Nystatin	Gói, bao	100g; 1; 20kg	Trị nấm trên heo, gia cầm	YSPV-18
19	Sulfarim Powder	Sulfamedithoxine Trimethoprim	Gói, bao	20; 100; 500g; 1; 20kg	Trị viêm phế quản, tiêu chảy, viêm ruột trên heo, gà, vịt	YSPV-19
20	Tylosin water solube powder	Tylosin tartrate	Gói, bao	7.5; 15; 20; 50; 75; 100; 150; 500g; 1; 20kg	Trị lỵ, viêm phổi, viêm vú và sốt do chuyên chở	YSPV-20
21	Lemison powder	Levamisole hydrochloride	Gói, bao	10; 20; 50; 100;500g, 1; 2; 5; 10; 20kg	Trị giun đũa, giun kết hạt, giun phổi, giun lươn, giun tròn, giun móc, sán lá và sán dây	YSPV-21

TỈNH BÌNH DƯƠNG

28. Công ty Liên doanh TNHH ANOVA

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Nova- doxal	Florphenicol; Doxycyclin HCL	Ống; lọ; chai, can	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm tuyến vú, viêm tử cung, viêm âm đạo, viêm màng não, sốt hậu sản, viêm tắt sữa do vi khuẩn gây ra trên trâu bò, ngựa, dê, lợn, chó, mèo	LD-AB-170

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Nova-Bromhexine	Bromhexine	Gói; túi; hộp; bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25 kg	Giảm ho, long đờm, hỗ trợ điều trị các bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	LD-AB-171

29. Công ty TNHH thuốc thú y - thủy sản Minh Dũng

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	MD Amox 150 LA	Amoxicillin trihydrate	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị viêm ruột do E.coli, Salmonella, Clostrium, viêm khớp, viêm màng não, viêm phổi, viêm phế quản và các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn gram (-) gây ra	HCM-X22-190
2	MD KANA	Kanamycin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, đường sinh dục, đường tiêu hóa, viêm vú, nhiễm trùng máu, nhiễm trùng da, vết thương trên trâu, bò, lợn, chó, mèo và gia cầm	HCM-X22-191
3	MD Lincospec B	Lincomycin HCL, Spectinomycin HCL	Bao, gói	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	HCM-X22-192

30. Công ty TNHH TM-SX thuốc thú y SAPHA (SAFAVEDIC)

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	SAFA-CE5	Ceftiofur HCl	Chai	20, 50, 100, 200, 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tụ huyết trùng, thương hàn, viêm tử cung trên heo, trâu, bò, cừu, chó, mèo	SAFA-66

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	SAFA-Penstrep	Penicillin G Procaine, Dihydrostreptomycin sulphate	Chai	20, 50, 100, 200, 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng vết thương, viêm phổi, tụ huyết trùng, dấu son, lepto, viêm tử cung, viêm móng trên gia súc, gia cầm	SAFA-67
3	SAFA-Amcoli	Ampicilline trihydrate, Colistine sulfate	Chai	20, 50, 100, 200, 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, niệu, sinh dục, máu, bệnh thương hàn, viêm teo mũi truyền nhiễm, hội chứng MMA, bệnh viêm vú trên gia súc	SAFA-68
4	Safa dosol	Doxycycline HCL	Chai	20; 50; 100; 500ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản - phổi, tụ huyết trùng do vi khuẩn nhạy cảm với doxyccycline gây ra trên trâu, bò, lợn	SAFA-69
5	Safa-Linco-10	Lincomycine HCL	Chai	20; 50; 100; 200ml	Trị kiết lỵ, viêm khớp trên heo	SAFA-70
6	Amox -SP	Amoxicillin Trihydrate	Bao, gói	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15 kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	SAFA-71
7	Tydo-SP	Tylosin tartrate; doxycycline hyclate	Bao, gói	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15 kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	SAFA-72
8	Doxy-SP	Doxycycline HCL	Bao, gói	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 15 kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	SAFA-73

TỈNH TIỀN GIANG

31. Công ty Cổ phần thuốc thú y Cai Lậy

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Lincomycin 10%	Lincomycin HCl	Gói, lon	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Trị lỵ (Treponema hyodysenteriae) trên heo. Trị bệnh gây ra bởi Mycoplasma spp trên gia cầm	CL-278

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	CL-Docoli	Doxycycline HCl Colistin sulfate	Gói, lon	5, 10, 20, 30, 50, 100, 150, 200, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	CL-279
3	CL-Donecin	Doxycycline HCl Neomycin sulfate	Gói, lon	5, 10, 20, 30, 50, 100, 150, 200, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	CL-280
4	CL-Dotyl	Doxycycline HCl Tylosin tartrate	Gói, lon	5, 10, 20, 30, 50, 100, 150, 200, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	CL-281
5	CL-Doxgen	Doxycycline HCl Gentamycin sulfate	Gói, lon	5, 10, 20, 30, 50, 100, 150, 200, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	CL-282
6	CL-Terramycine 500	Oxytetracycline HCl	Gói, lon	5, 10, 20, 30, 50, 100, 200, 500g, 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Kháng sinh phổ rộng, chống lại vi khuẩn gram dương và gram âm	CL-283
7	CL-Amoxcoli	Amoxicillin trihydrate; Colistin sulfate	Gói, lon	5, 10, 20, 30, 50, 100, 150, 200, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, tiết niệu, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	CL-285

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

32. Công ty Cổ phần SXKD vật tư và thuốc thú y Cần Thơ (VEMEDIM)

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Albendazole	Albendazole	Chai, can	5; 10; 20; 50; 60; 100; 120; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Trị giun dạ dày, ruột, phổi, sán dây, sán lá trên trâu, bò, dê, cừu	CT-358
2	Ceptifi	Ceftiofur sodium	Chai	1; 4g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, viêm đường tiết niệu cho chó. Khống chế tỷ lệ chết sớm ở gà 1 ngày tuổi do vi khuẩn nhạy cảm với ceftiofur gây ra	CT-359

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Furovet	Furosemide	Chai, ống	2, 5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị chứng phù nề có liên quan đến bệnh tim và phù cấp tính ở mô không do viêm trên chó, mèo, ngựa; chứng phù sinh lý ở tuyến vú trên trâu bò mang thai	CT-360
4	Tonavet	Tolfenamic acid	Chai, ống	2, 5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Tác dụng kháng viêm, hạ sốt, giảm đau. Dùng kết hợp trong điều trị viêm vú, viêm tử cung, viêm đường hô hấp ở trâu, bò, heo	CT-361
5	Foxxin 500	Fosfomycin	Gói; hộp; xô; bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 3; 5; 10; 12; 14; 15; 20; 25; 50 kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với fosfomycin gây ra trên gia cầm, lợn	CT-362
6	Tylosin 1000	Tylosin tartrate	Gói; hộp; xô; bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 3; 5; 10; 12; 14; 15; 20; 25; 50 kg	Trị CRD, viêm ruột hoại tử, viêm phổi, kiết lỵ, tiêu chảy trên trâu bò, lợn, gia cầm	CT-363

33. Công ty TNHH thuốc thú y Á Châu

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	ADE Bcomplex	Vit.A, D, E, B_1, B_2, PP, B_6, calci-Pantothenate	Chai, lọ	5ml, 10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Ngừa và trị các bệnh do thiếu vitamin	APC-13
2	Bactrim	Trimethoprim, Sulfamethoxazol,	Chai, lọ	5ml, 10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, đường ruột cho thú nuôi	APC-15
3	B. Complex	Vit.B_1, B_6, B_2, PP, Calci-Pantothenate	Ống, chai, lọ	2,5ml, 5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị các bệnh còi xương, thiếu vitamin, biếng ăn, rối loạn về sinh sản	APC-16

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
4	Genta-tylo	Gentamycin, Tylosin tetrate	Ống Lọ	5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi heo, viêm vú, kiết lỵ ở heo, CRD ở gà, nhiễm trùng thối loét da thịt, viêm xương, viêm khớp	APC-18
5	Tylo TD	Thiamhenicol, Tylosin tatrate	Ống Lọ	5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, phân trắng, thương hàn, THT, viêm đường hô hấp, viêm tử cung, viêm vú	APC-19
6	Tylo-Tetrasone	Tylosin tatrate, Oxytetracyclin HCl, Dexamethazone acetate	Ống Lọ	5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, tiêu chảy, kiết lỵ,	APC-20
7	Vitamin C	Vitamin C	Ống Lọ	5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các trường hợp thiếu Vitamin C. Tăng sức đề kháng cơ thể	APC-21
8	Ticosone	Tiamulin, Colistinsulfate, Dexamethazone acetate	Ống lọ	5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, CRD, suyễn lợn, THT, viêm ruột, ỉa chảy, thương hàn, viêm tử cung, viêm vú, viêm mắt	APC-22
9	Septotryl 24%	Trimethoprim, Sulfamethoxazol	Lọ, chai	5, 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, CRD, suyễn lợn, viêm ruột, ỉa chảy, thương hàn, viêm tử cung, viêm vú	APC-23
10	Lincomycin 500	Lincomycin	Ống	2ml,5ml	Trị viêm phổi, suyễn heo, viêm vú, viêm tử cung, tiêu chảy, CRD, viêm xoang mũi vịt	APC-24
11	Analgin	Analgin	Ống Lọ	2ml,5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm khớp, trật khớp, bong gân, đau cơ, hạ sốt	APC-25

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
12	Becozym	Vitamin B_1, B_6, B_2, pantothenat	Ống	2ml, 5ml	Bổ sung các vitamin, kích tiêu hóa, tăng trọng nhanh. Trị còi xương, suy dinh dưỡng	APC-36
13	Ascorbic 1000	Ascorbic	Ống Chai, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các trường hợp thiếu Vitamin C; Tăng sức đề kháng cơ thể	APC-37
14	Analgin 30%	Analgin	Ống Chai, lọ	5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm khớp, trật khớp, bong gân, đau cơ, hạ sốt	APC-38
15	Dexaject	Dexamethasone acetate, Natriphosphat	Ống Chai, lọ	2ml, 5ml 10; 20; 50; 100ml	Chống viêm, chống dị ứng, chống shock và các tác nhân gây stress, làm tăng hiệu lực của kháng sinh	APC-39
16	Gentamox	Gentamycin, Amoxcillin	Ống, chai, lọ	2ml, 5ml 5, 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh: Hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục, toi, cầu trùng	APC-43
17	Tylan 50	Tylosin tatrate, Propylen, Benzyl	Lọ, chai	5, 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, CRD, phân trắng, toi, thương hàn, cầu trùng	APC-44
18	Colistin	Colistin sulfate	Lọ, chai	5, 10, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng ruột và dạ dày	APC-45
19	B.Complex	Vit. B_1, B_2, B_6, PP, Ca-Pantothenat	Ống Lọ, chai	2,5ml 5, 10, 50, 100ml	Trị suy dinh dưỡng, còi cọc, thiếu máu, bại liệt, phù thũng do thiếu Vitamin nhóm B	APC-46
20	Ampi-Colistin	Ampicillin trihydrat, Colistin sulfate, Dexame-thasone acetate	Lọ, chai	5, 10, 50, 100ml	Trị các bệnh còi xương, viêm đường hô hấp, các bệnh phân trắng, thương hàn, viêm đường tiết niệu	APC-47
21	Terramycin D	Oxytetracyclin HCl, Dexamethasone acetate, Vitamin C	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu, sinh dục, đường ruột, hô hấp, tăng sức đề kháng, chống viêm nhiễm	APC-50

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
22	Pen-strep	Streptomycin sulfate, Penicillin G potassium	Lọ	10; 50; 100, 500ml	Trị các bệnh do nhiễm trùng ở thú nuôi.	APC-53
23	Erytetrasone	Oxytetracyclin HCl, Erythromycin	Lọ	5, 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu sinh dục, bệnh do Riskessia, Mycoplasma, Spirochates và Shigella	APC-54
24	Tetrasol	Thamphenicol, Oytetracyclin HCl, Dexa. acetate	Ống Lọ	2ml, 5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục; Bệnh do Rickettsia, Mycoplasma, Spirochates và Shigella	APC-55
25	Colistin	Colistin sulfat	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh do calibacilus, Klebsiella, Salmonella, Proteus, Pasteurella, Bacillus Pyocyaneus. E.Coli, các bệnh nhiễm trùng đường ruột và dạ dày	APC-72
26	Norflox 5%	Norfloxacin	Ống Lọ	5ml 5, 10, 20, 50, 10ml	Trị bệnh do E.coli, thương hàn, tiêu chảy, viêm đường hô hấp, tiết niệu, sinh dục	APC-73
27	B. complex	Thiamin, Riboflavin, Niacinamid, D-Pantothenat, Pyridoxin	Ống Chai	2ml, 5ml 5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Phòng và trị các bệnh còi xương, thiếu Vitamin, biếng ăn, rối loạn về sinh sản, giúp thú nuôi tăng trưởng nhanh	APC-78
28	Oxymycin	Oxytetracyclin	Ống Chai	5ml 5, 10, 20ml, 50, 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu, đường sinh dục, đường ruột, hô hấp, nhiễm trùng đường máu đối với thú con	APC-79
29	Norflox 10%	Norfloxacin	Ống Chai	5ml, 5, 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi Salmonella, Coli Bacillus, Pasteurella	APC-80

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
30	Tylo DC *	Tylosin tatrate, Dexamethason acetate, Thiamphenicol	Ống Lọ	2ml, 5ml 5, 10, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh do vi trùng Gr (-), Gr (+) gây ra: thương hàn, tiêu chảy; viêm đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục	APC-81
31	Genta Spira	Gentamycin, Spiramycin	Ống Chai, lọ	5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, CRD, viêm ruột, tiêu chảy, tụ huyết trùng, viêm khớp, sưng phổi	APC-84
32	Flumequin 10%	Flumequin	Ống, chai, lọ	5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Trị THT, thương hàn, viêm vú, viêm tử cung, tiêu chảy, viêm phổi, khẹt vịt, hô hấp mãn tính, CRD	APC-87
33	Bcomplex Super	Dextrose, Sodium chloride, Magnesium, Vit. B_1, B_6, PP, B_2	Ống Chai, lọ	5ml 10,20,50,100, 500ml	Bổ sung Vitamin, trợ lực thú trong thời gian điều trị, giúp thú tăng trưởng nhanh	APC-89
34	Tiamulin 10%	Tiamulin	Ống Chai, lọ	5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, CRD ở gà, hen suyễn ở heo	APC-90
35	Sulfa 33%	Sulfamethoxazol	Ống Chai, lọ	5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT, viêm dạ dày, viêm ruột, viêm tử cung và các trường hợp nhiễm trùng khác của gia súc, gia cầm	APC-91
36	Levamisol	Levamisol HCl	Lọ, chai	5, 10; 20; 50; 100ml	Tẩy các loại giun tròn của gia súc ở dạng trưởng thành và chưa trưởng thành	APC-103
37	Sulfazin	Sulfamethoxazol	Lọ, chai	5, 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh viêm phổi, THT, viêm dạ dày, ruột, viêm tử cung ở gia súc, gia cầm	APC-104
38	ADE. Bcomplex	Vitamin A, D, E, B_1, B_2, B_6, PP, Ca-Pantothenat	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Ngừa và trị các bệnh do thiếu Vitamin	APC-105

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
39	Septryl	Trimethoprim, Sulfamethoxazol	Lọ, chai	5, 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn gr(-) và gr (+) gây ra ở gia súc, gia cầm.	APC-108
40	Thiam-sone	Thiamphenicol, Oxytetracyclin HCl, Dexamethasone acetate	Ống Lọ, chai	2ml, 5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Chủ trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn Gr (-), Gr (+)	APC-109
41	Septryl 120	Trimethoprim, Sulfamethoxazol	Lọ, chai	5, 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gram (-), Gram (+) gây ra ở gia súc, gia cầm	APC-113
42	Vitamin B_6	Vitamin B_6	Ống chai, lọ	2ml, 5ml 10; 20; 50; 100ml	Phòng chống chứng thiếu vitamin B_6, phòng chứng thiếu máu, viêm khô da,...	APC-117
43	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống chai, lọ	2ml, 5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Giúp cho gia súc, gia cầm phòng và trị các bệnh: còi xương, thiếu máu, biếng ăn, kích thích tăng trưởng, tăng năng suất vật nuôi	APC-118
44	Calbiron	Ống A: Cacium gluconat, Ống B: Vitamin B_1, B_6, B_{12}, Nicotinamid	Ống chai, lọ	2ml, 5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu canxi và vitamin nhóm B, kích kích tăng trưởng cho gia súc, gia cầm	APC-119
45	Sinh lý ngọt 5%	Dextrose	Lọ, chai	100ml	Cung cấp năng lượng giúp gia súc, gia cầm phục hồi sức khỏe nhanh	APC-121
46	Terramycin	Terramycin	Lọ, chai	5, 10; 20; 50; 100ml	Điều trị những bệnh do vi khuẩn Gram (-), Gram (+) và Mycoplasma gây ra	APC-122
47	Speclin D	Spectinomycin, Lincomycin, Dexamethasone acetate	Ống, lọ, chai	5; 10, 20, 50, 100, 250ml	Trị các bệnh: viêm phổi, CRD, suyễn lợn, viêm xoang mũi vịt, viêm vú, viêm tử cung, sảy thai truyền nhiễm	APC-138

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
48	Doxycyclin	Doxycyclin	Ống, lọ, chai	5; 10, 20, 50, 100, 250ml	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn do Gr (-), Gr(+) gây ra	APC-139
49	Enrofloxacin (Inj)	Enrofloxacin	Ống, lọ chai	5ml, 5, 10, 20, 50, 100, 250ml	Trị CRD, thương hàn, THT, tiêu chảy do E.coli, viêm xoang mũi, CRD ghép E.coi,...	APC-140
50	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin	Lọ, chai	5, 10, 30, 60, 100ml	Trị các bệnh: CRD, thương hàn, THT, tiêu chảy do E.coli, viêm xoang mũi,...	APC-141
51	Lincomycin 5	Lincomycin	Ống, lọ, chai	5; 10, 20, 50, 100, 250ml	Trị các bệnh viêm phổi suyễn lợn, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp	APC-143
52	Spectinomycin 5%	Spectinomycin	Lọ, chai	5, 10, 30, 60, 100ml	Trị các bệnh đường ruột gây ra bởi E.coli ở heo con dưới 4 tuần tuổi	APC-144
53	Cefalexin	Cefalecin, Lidocain	Lọ, chai	5, 10, 30, 60, 100ml	Trị các bệnh viêm xoang, viêm phế quản, viêm phổi, THT, khẹc vịt, suyễn lợn,...	APC-147
54	Bcomplex (Oral)	Vitamin B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Lọ, chai	5, 10, 30, 60, 100ml	Bổ sung vitamin nhóm B cho gia súc, gia cầm	APC-148
55	Ampiject 5	Ampicillin	Ống, lọ	2; 5ml; 5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu	APC-158
56	Tylosin	Tylosin	Ống, lọ	5, 10, 20 ml; 50, 100, 250 ml	Điều trị bệnh CRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm, viêm phổi, suyễn lợn,…	APC-159
57	Linco	Lincomycin	Ống, lọ	5, 10, 20 ml; 50, 100, 250 ml	Phòng và trị bệnh viêm phổi, viêm phế quản, bệnh hô hấp mãn tính,...	APC-160
58	Colistin	Colistin	Ống, lọ	5, 10, 20 ml; 50, 100, 250 ml	Phòng, trị bệnh tiêu chảy phân trắng, thương hàn, phó thương hàn, tụ huyết trùng	APC-161

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
59	Levamisol	Levamisol	Ống, lọ	5, 10, 20 ml; 50, 100, 250 ml	Điều trị bệnh do giun đũa, giun chỉ, giun tóc, giun lươn, giun xoăn,...	APC-162
60	Aminovital	Vitamin: A, D_3, B_5, B_1, B_6, B_2, PP, E	Ống, lọ	5, 10, 20 ml; 50, 100, 250 ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, tăng sức đề kháng	APC-163
61	Iron Dextran	Fer dextran	Ống Chai, lọ	2ml, 5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung sắt, phòng trị bệnh thiếu sắt, thiếu máu, bệnh tiêu chảy do thiếu sắt	APC-85
62	Iron-Ferdextran 5%	Iron-Ferdextran	Ống Chai, lọ	2ml, 5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Phòng trị bệnh thiếu sắt, thiếu máu, tiêu chảy do thiếu sắt ở heo con	APC-86
63	Calcium B_{12}	Calcium gluconat, Vitamin B_{12}	Ống chai, lọ	5ml 5, 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu canxi, thiếu máu, các chứng bại liệt của gia súc, gia cầm	APC-116
64	Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Ống, chai, lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Hạ sốt trong nhiễm trùng cấp, chống Stress, giảm đau, tăng sức đề kháng cho cơ thể	APC-164
65	Amoxy 15%	Amoxicillin trihydrate	Ống, chai, lọ	2,5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, viêm đường tiết niệu, đường hô hấp, tụ huyết trùng, viêm phổi	APC-165
66	Strepto-Pen	Penicillin procain, Streptomycin sulfate	Ống, chai, lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường tiêu hóa, niệu - sinh dục, TH, PTH, THT, CRD, đóng dấu	APC-166
67	Terramycin-LA	Oxytetracyclin HCL	Ống, chai, lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, bệnh đường hô hấp, đóng dấu, hội chứng MMA trên trâu, bò, heo, gà, vịt	APC-167
68	Ivermectin	Ivermectin	Ống, chai, lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	APC-168

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
69	Amoxy col	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Ống, chai, lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng đường hô hấp, sinh dục, viêm vú, tử cung, viêm khớp, thương hàn, THT trên trâu, bò, heo, gà, vịt	APC-170
70	Cefa - LA	Cefalexin	Ống, chai, lọ	2; 5ml 10; 20; 50; 100ml	Điều trị viêm phổi, tụ huyết trùng, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, heo, gà, vịt	APC-171
71	Marbofloxacin 100	Marbofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm vú trên trâu, bò, heo	APC-173
72	Gentamycin 50	Gentamycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	APC-174
73	Kanamycin 100	Kanamycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	APC-175
74	Iron-Dextran+B_{12}	Iron (sắt), Vitamin B_{12}	Chai	20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên heo con, bê, nghé	APC-176
75	Marbofloxacin 25	Marbofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm, chó, mèo	APC-177
76	Atropin	Atropin sulfate	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Chống co thắt, giảm đau, viêm loét dạ dày ruột	APC-178
77	Florfenicol 400	Florfenicol	Lọ, ống	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn	APC-179
78	NaCAMPHO	Natri camphosulfonate	Lọ, ống	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Thuốc trợ tim và kích thích hô hấp trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó	APC-180

B. DANH MỤC BỔ SUNG THUỐC THÚ Y NHẬP KHẨU

FRANCE

1. Công ty Coophavet

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Dexalone solution	Dexamethasone	Chai	50; 100ml	Chống viêm, dị ứng, shock trên trâu, bò, ngựa, heo	COO-2

2. Công ty Vetoquinol Veterinaire Pharmaceutique

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Lutricyline plus	Tetracycline HCL, Erythromycine estolate	Hộp	200g	Trị viêm xoang mũi, viêm phổi, thương hàn, nhiễm trùng đường tiêu hóa trên gia cầm, thỏ	VQ-41
2	Colidiaryl	Colistin sulfate, Erythromycine estolate	Gói	30g	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên heo	VQ-42

3. Công ty Inoulo Generics

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Bactyl 10%	Enrofloxacin	Chai, bình	100ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa, các bệnh nhiễm trùng thứ phát trên heo, gia cầm	ING-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Bactyl 5%	Enrofloxacin	Chai	100ml; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa, các bệnh nhiễm trùng thứ phát trên trâu bò, lợn, chó, mèo	ING-5

HOLLAND

1. Công ty Dutch Farm International B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Dufaminovit Oral	Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_5, B_6, C, Alanine, Arginine, Aspartic, Glutamic, Glycine, Histidine, Isoleucine, Leucine, Lysine, Methionine, Phenylalanine, Proline, Serine, Threonine, Tryptophae, Tyrosine, Valine	Chai	100ml; 1l	Trị thiếu vitamin, amino axit, nguyên nhân bởi stress hoặc bị ốm, nhu cầu sinh trưởng, hấp thu kém vì thức ăn kém phẩm chất, giảm tính thèm ăn hoặc ốm yếu	DUTCH-19
2	Dufavit AD_3E 80/40/20 Inj	Vitamin A, D_3, E	Lọ	100ml; 1l	Trị thiếu vitamin, amino axit, nguyên nhân bởi stress hoặc bị ốm, nhu cầu sinh trưởng, hấp thu kém vì thức ăn kém phẩm chất, giảm tính thèm ăn hoặc ốm yếu	DUTCH-20
3	Dufavit AD_3E 100/20/20 Oral	Vitamin A, D_3, E	Lọ	100ml	Trị thiếu vitamin và amino axit, nguyên nhân bởi stress hoặc bị ốm, nhu cầu sinh trưởng, hấp thu kém vì thức ăn kém phẩm chất, giảm tính thèm ăn hoặc ốm yếu	DUTCH-21

2. Công ty Interchemie werken "de Adelaar" BV

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Doxy-200WS	Doxycycline hyclate	Gói, Hộp	100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-54
2	Vitol 86 Oral	Vitamin A, D_3, E	Chai, bình	100, 250, 500ml, 1 lít	Trị bệnh do thiếu vitamin A, D_3, E trên bê, nghé, dê, cừu, gia súc, gia cầm	ICW-55
3	Macrotyl 300	Tilmicosin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, cừu. Viêm vú, thối chân trên cừu	ICW-56
4	Macrotyl-250 Oral	Tilmicosin	Chai, bình	100, 250, 500ml, 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bò, lợn, gà	ICW-57
5	Biogenta	Amoxicillin trihydrate, Gentamicin (sulphate)	Chai	50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, viêm vú, viêm tử cung trên gia súc, lợn	ICW-58
6	Intertornic Oral	Sorbitol, Carnitine HCl, Betanie, Choline chloride, D-panthenol, Magnesium	Chai, bình	100, 250, 500ml, 1 lít	Phòng ngừa gan nhiễm mỡ, rối loạn chức năng gan, rối loạn tiêu hóa trên bò, ngựa, dê, bê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-59
7	Coli 4800WS	Colistin Sulphate	Gói, hộp	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-60
8	Coli 2400 Oral	Colistin sulphate	Chai, bình	100, 250, 500ml, 1 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, dê, gia cầm, cừu, lợn	ICW-61
9	Introflor 300	Florfenicol	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	ICW-62
10	Doxy 500WS	Doxycycline hyclate	Gói, hộp	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	ICW-63
11	Introflor - 100 Oral	Florfenicol	Bình	250, 500ml, 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	ICW-64
12	Interspectin-L WS	Lincomycin, Spectinomycin	Gói, hộp	150, 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	ICW-65

3. Công ty Eurovet Health Animal B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Soludox	Doxycycline Hyclate	Túi, bao	100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn sơ cấp và thứ cấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline gây ra ở lợn và gia cầm	ERV-24

SPAIN

1. Công ty Cenavisa Laboratorios

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Masticen pomada	Ampicillin; Cloxacinlline	Tuýp	30; 100ml	Trị viêm vú trong quá trình khai thác sữa trên bò, cừu, dê	CLS-11

GERMANY

1. Công ty XVET GmbH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vitamin AD_3E	Vitamin A, D_3, E	Chai, can	250ml, 1; 5; 25 lít	Trị bệnh do thiếu vitamin A, D_3, E, do stress, hỗ trợ điều trị bệnh nhiễm trùng trên gia súc, gia cầm	XVE-1
2	Cal&Phos Solution	Calcium, Phosphorus, Cobalt	Chai, can	250ml, 1; 25 lít	Phòng bệnh do thiếu canxi trên gia súc, gia cầm	XVE-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Carnitin Amino Mix	Vitamin B_6, B_{12}, Nicotinamide, Ca-Pantothenate, L- Carnitine, Sodium-Glutamic acid, Sorbitol, Lysine, Methionine	Chai, can	250ml, 1; 5; 25 lít	Phòng gan nhiễm mỡ trên gia cầm	XVE-3
4	Liver Tonic	Vitamin B_1, B_{12}, Cholin Chloride, Nicotinamide, Ca-Pantothenate, Inosit	Chai, can	250ml, 1; 5; 25 lít	Tăng cường bảo vệ gan, cải thiện khả năng tiết các men tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	XVE-4
5	Carnitin Mix	Sorbitol, L- Carnitine, Cholin Chloride, Methionine, Magnessium	Chai, can	250ml, 1; 5; 25 lít	Trị rối loạn trao đổi chất, bảo vệ gan trên gia súc, gia cầm	XVE-5

ARGENTINA

1. Công ty Cevasa S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Albenvasol	Albendazole, Levamisole HCL	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Phòng và điều trị nội ký sinh trùng.	CEVA-28
2	Amoxcol	Amoxicillin trihydrate, Colistin Sulphate	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy do vi khuẩn và viêm rốn trên gia súc gia cầm non	CEVA-29
3	Sulfatrim 750	Sulfachloropyridazine Sodium, Trimethoprim	Gói, bao, hộp, xô	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị bệnh hô hấp mãn tính, sưng phù đầu, viêm rốn, viêm ruột do E. coli, tụ huyết trùng, sổ mũi truyền nhiễm trên gia súc, gia cầm	CEVA-30

2. Công ty Proagro S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Magnesiado 40	Caicium gluconate, Boric acid, Magnesium chloride	Chai	20; 50; 100; 250ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Calcium và Magnesium trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo	PSA-7
2	Pro-Cloxam	Ampicillin, Cloxacilin	Syrings	7g	Trị viêm vú bò	PSA-8
3	Megluxin	Flunixin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm hệ cơ xương, viêm gân, viêm khớp, viêm màng hoạt dịch, giảm đau trên trâu, bò, ngựa, heo	PSA-9

3. Công ty Bedson S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Fosbac	Fosfomycin	Gói, xô	160g; 1; 5kg	Trị Colibacillosis, thương hàn, viêm xoang mũi truyền nhiễm, tụ huyết trùng trên gia cầm	BSA-1
2	Fosbac premix	Fosfomycin	Gói, xô	1; 5kg	Trị Colibacillosis, thương hàn, viêm xoang mũi truyền nhiễm, tụ huyết trùng trên gia cầm. Trị Colibacillosis, thương hàn, hoại tử ruột, ly, viêm phổi, viêm khớp, hội chứng MMA trên lợn	BSA-2
3	Fosbac plus T	Fosfomycin, Tylosin tartrate	Gói, xô	160g; 1; 5kg	Trị Colibacillosis, thương hàn, viêm xoang mũi truyền nhiễm, bệnh do Mycoplasma, tụ huyết trùng trên gia cầm	BSA-3
4	Fosbac plus T premix	Fosfomycin, Tylosin tartrate	Gói, xô	1; 5kg	Trị Colibacillosis, thương hàn, viêm xoang mũi truyền nhiễm, bệnh do Mycoplasma, tụ huyết trùng trên gia cầm. Trị viêm teo mũi, viêm phổi, Colibacillosis, thương hàn, hoại tử ruột, ly, viêm khớp, hội chứng MMA trên lợn	BSA-4

URUGUAY

1. Công ty Laboratorios Microsules Uruguay S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Hematomic Plus	Vitamin B_{12}, Cobalt, Trytophan, Histidine chlohydrate, L-Methionin, Iron, Arsenic, Phosphorus	Chai	10; 25; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và trị rối loạn liên quan đến những triệu chứng thiêu	LMU-1
2	Ceftiomic	Ceftiofur	Chai	10; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	LMU-2
3	Enromic 20% Oral	Enrofloxacin	Chai	100ml; 1; 5 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	LMU-3

SINGAPORE

1. Công ty Zagro Singapore Pte Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Amoxy-50	Amoxycillin trihydrate	Gói, bao	100; 500g; 1; 10; 25; 200kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, lợn, cừu, chó, gia cầm	ZEL-23
2	Anacox	Sulfachlozin	Chai	100; 500ml; 1; 5; 10 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	ZEL-24

INDONESIA

1. Công ty PT. Medion

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Coliquin	Flumequin	Gói, bao	5; 10; 50; 100; 250g	Trị bệnh do E.coli, Salmonella, Tụ huyết trùng trên gia cầm	MDI-60

THAILAND

1. Công ty General Drugs House

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Doxycline 150 soluble	Doxycycline HCL	Gói, bao	20; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram(+), Gram(-) trên trên lợn, gia cầm, chó, mèo	GDH-6
2	Gendazel Vet Suspension	Albendazol	Chai	30; 60; 100; 120; 200; 240ml; 1 lít	Trị giun, sán trên trâu, bò, dê, cừu	GDH-7

2. Công ty Advance Pharma

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Daimenox 800	Sulfamonomethoxine sodium	Gói, chai	20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị hô hấp mãn tính, sốt malaria và phòng bệnh leucocytozoon trên gà	APT-3

3. Công ty Nova Medicin

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Novacolistin WS	Amocicillin trihydrate, Colistin sulphate	Túi	100, 250, 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amocicillin và Colistin trên trâu, bò, dê, lợn, gia cầm	NMC-12

KOREA

1. Công ty Samyang Anipharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Hicool sol	Bromhexine, Phenylbutazone	Chai	500ml; 1l	Hỗ trợ điều trị viêm hoặc nhiễm trùng như viêm mũi, thanh khí quản, viêm phế quản phổi, viêm phổi trên lợn, gà	SPC-32
2	TYFUL inj	Florfenicol, Tylosin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, như: viêm phổi, viêm phế quản do *Actinobacillus pleuropneumoniae, Pasturella multocida, Mycoplasma hyoneumoniae, Haempphilus parasuius* và bệnh đường tiêu hóa, đặc biệt tiêu chảy do *Salmonella*, *E.coli* trên lợn	SPC-33
3	SY-Tausulfa p	Sulfathiazole sodium, Taurine	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị cầu trùng, bệnh Coryza, bệnh do tụ cầu khuẩn trên gia cầm. Trị bệnh đường ruột, viêm phổi, viêm nội mạc tử cung trên trâu, bò, lợn	SPC-34

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
4	Amoxicoli p	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh viêm đường hô hấp, đường tiêu hóa và đường niệu sinh dục trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	SPC-35
5	SY- Aspirin- C p	Aspirin, Vitamin C	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Hạ sốt, giảm đau trên trâu, bò, lợn, gà	SPC-36
6	VITA AD_3E inj	Vitamin A, D_3, E	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng và trị bệnh do thiếu hụt vitamin A, D_3 và E, bệnh còi xương, loãng xương, rối loạn sinh sản, suy giảm chức năng vận động trên trâu, bò, cừu, lợn, chó	SPC-38
7	U-Chitomin sol	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, Taurine, Chito-Oligosaccharides	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1; 4; 5; 10; 18l	Phòng và trị thiếu hụt vitamin, tăng cường khả năng miễn dịch, phòng chống stress trên trâu, bò, lợn, gà	SPC-39
8	Beecom - S inj	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, PP	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, stress, giúp phục hồi nhanh sau khi phẫu thuật, mắc bệnh truyền nhiễm, gan bị tổn thương, hỗ trợ trong điều trị các bệnh về da, viêm dây thần kinh trên trâu, bò, ngựa, cừu, lợn	SPC-41
9	Lincomycin inj	Lincomycin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, áp xe, nhiễm trùng thứ phát trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	SPC-42
10	O.T.C-LA inj	Oxytetracycline	Chai	10; 20; 50; 100; 250 500ml	Trị viêm phổi, bệnh do xoắn khuẩn (Lepto), viêm móng, viêm vú, viêm ruột, viêm khớp, nhiễm trùng vết thương, tụ huyết trùng, bệnh đóng dấu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	SPC-43

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
11	Genta-50 inj	Gentamycin	Chai	10; 20; 50; 100; 250 500ml	Trị viêm phổi, viêm đường tiết niệu, xảy thai truyền nhiễm, nhiễm trùng máu, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn, gia cầm, chó, mèo	SPC-44

2. Công ty SF

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	SF Catophan-S	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Chai	50; 100ml	Trị rối loạn sinh trưởng, rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	SFK-2
2	Powercocci	Toltrazuril	Chai	1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	SFK-3

3. Công ty Han Dong

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Floshot 300	Florfenicol	Chai, lọ	100ml; 500ml	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò và lợn	HDK-4
2	Sureshot LA	Amoxicillin hydrate	Chai, lọ	100ml; 250ml	Trị viêm phổi, viêm cuống phổi, viêm teo mũi, Salmonellosis, viêm ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn	HDK-5
3	Flotril 100 sol	Enrofloxacin	Chai, lọ	100; 500ml; 11	Trị bệnh do E.coli, Mycoplasma, Salmonella trên gà	HDK-6
4	Flotril 200 sol	Enrofloxacin	Chai, lọ	100; 500ml; 11	Trị viêm phổi, viêm cuống phổi, viêm teo mũi, Salmonellosis, viêm ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn	HDK-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Neocoxin sol	Toltrazuril	Chai	100; 200; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	HDK-8
6	Flotril 100 Injection	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 250ml	Trị hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn	HDK-9

4. Công ty Korea Biologicals eNvironmental Products Pharmaceuticals (KBNP), INC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tolcoxin 5% Suspension	Toltrazuril	Chai	20; 50; 100; 250; 500ml	Trị cầu trùng trên bê, nghé, heo con	KPN-2
2	Vital-Chorus Forte	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, Folic acid, Nicotinamide, Calcium pantothenate, Choline chloride, Alanine, Ảginine, Phenylalanine, Histidine, Leucine, Lysine, DL-Methionine, Threonine, Valine	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5 l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, Amino acid, giảm stress, tăng sức đề kháng, phòng hiện tượng thiếu canxi ở vỏ trứng	KPN-3
3	Kapramin 200 Injection	Apramycin	Chai	20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị Colibacillosis, Salmonellosis trên bê, nghé	KPN-5
4	Avante Injection	Ceftiofur	Chai	0,1; 1; 4g	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	KPN-6

5. Công ty Dong Bang

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Heat 600	Serum Gonadotropin; Chorionic Gonadotropin	Lọ	5ml	Kích thích sự động dục và ổn định chu kỳ động dục	DOB-8
2	Lincomycin 44 Premix	Lincomycin	Túi, bao	1; 5; 10; 20kg	Trị ly, viêm phổi do vi khuẩn Mycoplasma gây ra trên heo	DOB-9

6. Công ty Kofavet special

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	ACT	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên gà và bê	LGK-05

7. Công ty ELT Science Corporation

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Pancom	Fenbendazole	Viên	500mg	Trị giun trên chó, mèo	ELT-1

8. Công ty Daone Chemical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Coxzuril	Toltrazuril	Chai	100; 200; 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	DOC-11

9. Công ty Unibiotech

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Coccifree	Toltrazuril	Chai	500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	UNI-1
2	Cocciend	Toltrazuril	Chai	50; 100; 200; 500ml	Trị cầu trùng trên heo con	UNI-2

10. Công ty Samu Median

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Polycox	Toltrazuril	Chai, lọ	10; 100ml	Trị cầu trùng trên bê, nghé, lợn con	SAMU-11
2	Amoxicol	Amoxicilline trihydrate; Colistin	Túi, gói	100g; 1; 10 kg	Trị viêm phổi, viêm màng phổi, viêm phổi Salmonellosis, Colibacillosis, viêm teo mũi (AR), tụ huyết trùng, CRD, Coryza trên trâu bò, bê, lợn và gia cầm	SAMU-12
3	Restil solution	Tilmicosin Phosphate	Chai, lọ	100; 500ml	Trị viêm phổi, Mycoplasmosis trên lợn, gia cầm	SAMU-13

BANGLADESH

1. Công ty Renata

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Coxicure	Sulphaclozine sodium monohydrate	Gói	10; 100g; 1; 5; 20kg	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng trên gia cầm	RLB-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Vitaphos®	Toldimphos sodium; Vitamin B_{12}	Chai	10; 30; 50; 100ml	Kích thích miễn dịch, kích thích tăng trưởng trên trâu bò, ngựa, cừu, dê, heo, gà	RLB-11
3	Hemovit®	Vitamin B_1; B_2; B_3; B_5; B_6; B_{12}; Fe; Coban; Cu	Chai	10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh thiếu sắt, thiếu máu, thiếu vitamin B-complex trên gia súc, gia cầm	RLB-12

MALAYSIA

1. Công ty Nova Laboratories Sdn.Bhd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Trimeton 24% water soluble Powder	Sulfamonomethoxine, Trimethoprim	Túi, bao	100g; 1kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên lợn, gia cầm	NOVA-7
2	Nova SB 30% water soluble Powder	Sulfachloropyrazine	Túi, bao	100g; 1kg	Trị cầu trùng, tụ huyết trùng, thương hàn trên gà. Trị cầu trùng trên lợn	NOVA-8
3	Novacoc 24% water soluble Powder	Sulfaquinoxalin, Trimethoprim	Túi, bao	100g; 1kg	Trị cầu trùng, tụ huyết trùng, thương hàn trên gia cầm. Trị cầu trùng trên lợn	NOVA-9
4	Tylosin water soluble Powder	Tylosin tartrate	Túi, bao	100g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên gia cầm	NOVA-10
5	Doxyvet-B	Doxycycline HCL, Bromhexin	Túi, bao	100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, lợn, gia cầm	NOVA-11

INDIA

1. Công ty Venky's (India) Limited

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vendox-N	Neomycin; Doxycyclin	Túi	50g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn Mycoplasma, CCRD, nấm, protozoa	VIL-1
2	Colis-V	Colistin sulfate	Túi	200g	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa do các vi khuẩn nhạy cảm với colistin gây ra trên gia cầm, bê, nghé, dê, cừu và lợn	VIL-2
3	Ventrimisole	Levamisole hydrochloride	Túi, gói	100; 500g	Tẩy giun tròn trên bê, lợn, dê, cừu, gia cầm, chó	VIL-3
4	Venflox	Enrofloxacin	Chai, can	1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu trên gia cầm	VIL-4

2. Công ty Vital Therapeutics & Formulations PVT

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vitrocin oral liquid	Enrofloxacin	Chai	500ml; 1; 5 lít	Trị CRD, nhiễm trùng đường ruột, tiêu chảy, viêm phế quản, Colibacillosis, nhiễm trùng máu trên gia cầm	VTF-1

3. Công ty Sequent Scientific

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Sequleva Plus	Levamisole HCl Oxyclozanide	Can nhựa	100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị giun sán ở gia súc	SSL-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Sequzole 2.5%	Albendazole U.S.P	Can nhựa	100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị giun sán ở gia súc	SSL-2
3	Teroxylin 20%	Oxytetracycline Dihydrate	Lọ	30; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	SSL-3
4	Sequenro	Enrofloxacin	Lọ	30; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và tiêu hóa ở gia súc	SSL-4

4. Công ty Cipla

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Butafan	Butafosfan, Vitamin B_{12}	Chai	100ml	Trị rối loạn sinh trưởng, trao đổi chất trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	CIPLA-34

5. Công ty Vetlife Pharmaceuticals

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vet-Mycin	Gentamycin sulfate	Chai	2; 10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin trên trâu, bò, chó, mèo	VPI-1
2	Vetmox-50	Amoxycillin trihydrate	Túi, bao	100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	VPI-2
3	Vetdox-N	Doxycycline HCL, Neomycin sulfate	Túi, bao	50; 100; 200; 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, ngựa, lợn, dê, cừu, gia cầm	VPI-3
4	Vetoli-20 ws	Colistin sulfate	Túi, bao	50; 100; 200; 500g, 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	VPI-4

6. Công ty International Biologicals

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Bioflox	Enrofloxacin	Chai	100; 250ml; 1 lít	Trị hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	IBC-1
2	Bioflox vet	Enrofloxacin	Chai	50; 100; 250ml	Trị hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn	IBC-2
3	Biodox-N	Doxycycline HCl, Neomycin sulphate	Túi	100; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, dê, cừu, heo, gia cầm	IBC-3

7. Công ty Intas Pharmaceuticals

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Flobac-SA™	Enrofloxacin	Lọ, chai	30ml; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiết niệu, nhiễm trùng huyết, viêm vú, viêm nội mạc tử cung trâu bò, lợn, chó	INP-1
2	Quinintas	Enrofloxacin	Lọ, chai	100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa trên gia cầm	INP-2

CHINA

1. Công ty Alpharma Animal Health (Yantai)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tiamulin Hydrogen Fumarate Premix 80% Coated	Tiamulin Hydrogen Fumarate	Gói, bao	500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị Mycoplasmal hyoneumonia, Actinobacillus pleuropneumaoniae, lỵ trên heo	ALP-20

II. DANH MỤC BỔ SUNG VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y

A. DANH MỤC BỔ SUNG VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

HÀ NỘI

1. Công ty Cổ phần thuốc thú y TW I (VINAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vina-rost	Cloprostenol sodium	Ống	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Chữa lưu tồn thể vàng, vô sinh, không động dục, động dục ẩn	TWI-X3-204
2	Progesteron	Progesteron	Ống	2; 5; 10; 20 ml	Làm giảm co bóp và ổn định tử cung, an thai. Chữa vô sinh, chứng cuồng dục	TWI-X3-205
3	Oxytocin	Oxytocin	Ống	20UI	Kích sữa, tăng co bóp dạ con, kích đẻ	TWI-X3-175
4	Calcium fort	Calci gluconate	Ống, lọ	5ml 50, 100, 500ml	Trị bại liệt, hạ canxi huyết, còi xương, co giật	TWI-X3-47
5	Nước cất	Nước cất 2 lần	Ống	5ml	Dùng để pha tiêm	TWI-X3-65
6	Mg-calcium fort	Magie clorid, Calci gluconat	Lọ	50, 100ml	Trị bại liệt, co giật, còi xương, táo bón, viêm khớp, sốt sữa	TWI-X3-147
7	Dung môi pha tiêm	Anpha propandial 1,2, Anphahydroxytoluen	Lọ	100, 500ml	Pha thuốc tiêm	TWI-X3-165
8	Nước sinh lý 0,9%	Natri clorid	Lọ	100ml	Pha vaccin	TWI-X3-176

2. Xưởng sản xuất thực nghiệm thuốc thú y - Viện Thú y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vacxin Tụ huyết trùng gia cầm nhũ hóa	Vi khuẩn Tụ huyết trùng gia cầm, chủng N41	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng gà, vịt, ngan, ngỗng	VTY-X-50
2	Vacxin Tụ huyết trùng trâu bò keo phèn	Vi khuẩn Tụ huyết trùng trâu bò, chủng IR; P52	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng trâu, bò	VTY-X-51

3. Công ty Cổ phần thuốc thú y TW5 (FIVEVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Five-Canci.B	Canxi gluconat	Ống, lọ	5,10; 20; 50; 100ml	Chống bại liệt, còi xương, co giật	TW5-42
2	Five-Prost	Cloprostenol	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1 lít	Trị rối loạn chức năng buồng trứng, lưu tồn thể vàng, vô sinh, không động dục	TW5-108
3	Five-Oxytocin	Oxytocin	Ống Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kích đẻ, tăng co bóp tử cung, sót nhau, kích thích tiết sữa	TW5-111

4. Công ty TNHH Năm Thái

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Nước sinh lý	NaCL	Lọ, ống	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Dung môi pha thuốc tiêm	NT-65
2	T. Clorost	Cloprostenol	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giúp lên giống, thúc đẻ, kết hợp điều trị viêm tử cung trên trâu, bò, ngựa	NT-77

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Oxytocin	Oxytocin	Ống, lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Thúc đẻ, tăng co bóp dạ con, kích sữa	NT-79
4	Estradiol	Estradiol	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kích dục tố	NT-82
5	Progest	Progesteron, Vitamin E	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Các nguy cơ bị sảy thai, Điều chỉnh chu kỳ động đực, chống rụng trứng giả	NT-84

5. Công ty Cổ phần thuốc thú y SVT Thái Dương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Sun-Oxytocin	Oxytocin	Ống, chai	2; 5; 20; 100 ml	Tăng cường co bóp tử cung, kích thích đẻ, tiết sữa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	SVT-36
2	Sun-Iodine	Povidone Iodine	Chai, lọ	10; 50; 100ml; 1; 5; 10 lít	Sát trùng vết thương, tẩy uế chuồng trại	SVT-37

6. Công ty Cổ phần đầu tư liên doanh Việt Anh

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Via.Calma Fort	Ca. gluconat Magie clorua	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị các chứng thiếu Canxi và Magie do rối loạn trao đổi chất	VA-28
2	Via.prost	Cloprostenol (sodium)	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giúp lên giống, thúc đẻ, kết hợp điều trị viêm tử cung trên bò, lợn	VA-92
3	Az.oxytocin	Oxytocin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1 lít	Giảm đau trong quá trình chuyển dạ, không tiết sữa ở lợn nái, mất trương lực tử cung, sót nhau thai, băng huyết sau sinh, sa tử cung...	VA-100

7. Công ty TNHH thuốc thú y Việt Nam (PHARMAVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Phartocin	Oxytocin	Ống Lọ	2; 5 ml 10; 20; 50; 100ml	Điều trị liệt dạ con, sót nhau, thúc đẻ	PHAR-53
2	PharCalci-F	Calcigluconat	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Bổ sung Ca, trị bại liệt	PHAR-19
3	PharCalci-C	Calcigluconat, Vit C	Ống, lọ	5, 10; 20; 50; 100ml	Bổ sung Ca, vit C, tăng sức đề kháng	PHAR-20
4	PharCalci-B_{12}	Calcigluconat Vit B_{12}	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Bổ sung Ca, trị bại liệt, giải độc	PHAR-21
5	Calci-Mg-B_6	Calcigluconat, Vit B_6 Magnesi chlorid	Ống, lọ	10; 20; 50; 100ml	Bổ sung Ca, trị bại liệt, giải độc, táo bón	PHAR-22
6	Ringer-Pharm	Natri clorid, Kali clorid, Calci clorid dihydrat, Natri lactat	Chai	100; 250; 500ml; 1l	Trị rối loạn cân bằng điện giải trên trâu, bò, heo, dê, cừu, thỏ, chó, mèo	PHAR-71
7	Phar-F.B 1080	Sắt (Dextran), Vitamin B_{12}, Phenol	Ống, chai	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị thiếu máu do thiếu sắt trên bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	PHAR-72
8	F2-Propharm	Cloprostenol	Ống, chai	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giúp lên giống, thúc đẻ, kết hợp điều trị viêm tử cung trên lợn nái	PHAR-95

8. Công ty Cổ phần công nghệ sinh học thú y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1.	BTV-Kháng thể E.coli	Kháng thể E.coli	Gói	10; 50; 100; 200; 500g; 1; 5kg	Trị phù đầu, tiêu chảy, phân trắng lợn con; Trị tiêu chảy, suy hô hấp trên gia cầm	BTV-64

9. Xí nghiệp thuốc thú y Trung ương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Aftovax	Kháng nguyên LMLM đa type O, A, Asia1	Chai	20; 50; 100; 500ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò	TW-XI-92
2	Dịch tả vịt tế bào	Virus dịch tả vịt chủng C(10^3TCID$_{50}$)	Hộp, lọ	50; 100; 150; 200; 250; 500; 1.000 liều	Phòng bệnh dịch tả vịt	TW-XI-93
3	Tụ huyết trùng trâu bò nhũ hóa	Pasteurella Multocida	Lọ	50; 100; 150; 200; 250; 500; 1.000 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng trâu, bò	TW-XI-100
4	Aftovax mono O	Kháng nguyên LMLM vô hoạt type O	Chai	20; 50; 100; 500ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò, dê và cừu	TW-XI-101

TỈNH HƯNG YÊN

10. Công ty Cổ phần Hùng Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Povidine-10%	Povidine Iodin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Sát trùng vết thương, dụng cụ mổ, chuồng trại chăn nuôi	NGH- 86
2	Methylen Blu	Methylen Blu	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Sát trùng vết thương, vết lở loét	NGH- 89

TỈNH KHÁNH HÒA

11. Phân Viện thú y miền Trung

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Dung dịch pha vắc xin	NaCl, H_2O	Chai	10ml, 12ml, 25ml	Pha loãng vắc xin đông khô trước khi tiêm phòng cho gia súc, gia cầm	TW IV-26

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

12. Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y TW(NAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	NAVET-Kháng Gum	Kháng thể Gumboro	Chai	20; 50ml	Phòng và trị bệnh Gumboro trên gia cầm	TWII-131
2	Navet-Mytox	Deltamethrin	Chai xịt	100ml	Phòng và trị các bệnh do ngoại ký sinh trùng: ve, bọ chét, chí, rận, ruồi, mòng trên thú nuôi	TWII-132

13. Công ty TNHH Quốc Minh

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Peta-iodine	Polyvinyl pyrrolidone iodine	Chai, lọ	10; 50; 100; 120; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 3; 5 lít	Sát trùng vết thương, tẩy uế chuồng trại	HCM-X20-167

14. Công ty TNHH TM-SX thuốc thú y Song Vân

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Iodin-SV	Povidone-iodin	Chai	50; 100; 250; 500ml; 1l	Sát trùng ngoài da trên súc vật	HCM-X18-96

15. Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Sài Gòn (SONAVET)

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Inter shampoo	Permethrin	Chai, lọ	100, 250, 500ml, 1 lít	Trị bọ chét, ve, chiggers, chí trên chó	HCM X9-173

TỈNH TÂY NINH

16. Công ty TNHH SX-TM A.S.T.A

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	PV Dine	PVP Iodine	Chai, can	20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, dụng cụ vắt sữa, sát trùng ngoài da, vết thương, bầu vú, khử trùng nguồn nước	ASTA-74

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

17. Công ty TNHH thuốc thú y Á Châu

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Calcium-Fort	Calcium gluconat	Ống, chai, lọ	5ml; 5, 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu canxi, các chứng bại liệt của gia súc, gia cầm	APC-115
2	Calcium C	Calcium, C	Lọ, chai	5, 10, 30, 60,100ml	Trị bệnh do thiếu canxi, bổ sung vitamin giúp thú mau lại sức sau khi bệnh	APC-145
3	Sinh lý mặn	Natri clorua	Lọ, chai	100, 200, 500ml	Bổ sung nước, thiếu muối, pha thuốc tiêm	APC-146

B. DANH MỤC BỔ SUNG VẮC XIN, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y NHẬP KHẨU

USA

1. Công ty Merial Select Inc

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Sprintvac MH	Mycoplasma hyopneumoniae vô hoạt nhũ dầu	Chai	100ml/50 liều; 250ml/125 liều	Phòng bệnh viêm phổi do Mycoplasma hyopneumoniae gây ra ở lợn 3 tuần tuổi	MRA-211
2	Vaxxitek HVT+IBD	Virus tái tổ hợp Gumboro trên véc tơ Marek	Chai	1000; 2000; 4000 liều	Phòng bệnh Gumboro và Marek trên gà	MRA-212
3	HB1 Mass Blen™	Newcastle B1. IB Mass	Lọ	1.000; 2.000; 5.000; 15.000; 25.000 liều	Phòng bệnh Newcastle và viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	MRA-213
4	Gallivac™AE+FP	Virus viêm não tủy truyền nhiễm; virus bệnh đậu gà	Lọ	1.000 liều + (Lọ nước pha 10 ml)	Phòng bệnh viêm não tủy truyền nhiễm và bệnh đậu trên gà	MRA-214

FRANCE

1. Công ty Virbac S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Pyoderm ®	Chlorhexidine digluconate, Lactic acid, Chitosanide, L-Rhamnose, D-Galactose, D-Mannose, Cocamidopropyl betaine, Microcapsules	Chai	120; 200; 250; 500ml; 1 lít	Dầu tắm gội dành cho chó mèo. Làm sạch lông, mượt lông, khử mùi	VB-64

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Sebolytic	Sodium salycilate, Vitamin F, B_6, Kẽm gluconate, Piroctone olamine, Tinh dầu trà xanh, L-Rhamnose, D-Galactose, D-Mannose, icrocapsule Sebolytic, Imidazolidinyl Urea, Sodium laureth sulfate, Cocamidopropyl betaine, Laury glucoside	Chai	120; 200; 250; 500ml; 1 lít	Dầu tắm gội dành cho chó mèo. Làm sạch lông, mượt lông, khử mùi. Chuyên dùng cho da nhờn, có vảy, có mùi	VB-65
3	Allermyl	Sodium lauryl sulfate, hương liệu	Chai	120; 200; 250; 500ml; 1 lít	Dầu tắm gội dành cho chó mèo. Làm sạch lông, mượt lông, khử mùi. Chuyên dùng cho da khô, nhạy cảm, dễ bị dị ứng	VB-66

ENGLAND

1. Conventry Chemical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Omnicide FGII	Glutaraldehyde, Cocobenzyl dimethyl ammonium chloride	Can, phuy	1, 5, 25 lít, 200 lít	Sát trùng dụng cụ, nhà xưởng	CVTUK-2

SPAIN

1. Công ty Industrial Veterinaria, S.A., Invesa

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Netifarm	Formaldehyde, Alkyl dimethyl bencyl ammoniumchloride	Bình, can	1, 5, 25, 200, 1000 lít	Sát trùng vi khuẩn, virus, nấm trong không khí, dụng cụ chăn nuôi, chuồng trại gia súc, gia cầm	IIS-27

HOLLAND

1. Công ty Pantex Holland B.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Protectall FF	Glutaraldehyde, Didecyldimethyl ammonium chloride, Benzyl-(C12-C16) alkyldimethyl-ammonium chloride	Bình, can	1; 5; 25; 200L	Khử trùng, sát khuẩn bề mặt chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, lò mổ	PH-8

CZECH REPUBLIC

1. Công ty Biopharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Livacox®T	Eimeria acervulina, Eimeria maxima, Eimeria tenella	Lọ	10ml (1000 liều), 50ml (5000 liều)	Phòng bệnh cầu trùng trên gà	BPS-1
2	Livacox®Q	Eimeria acervulina, Eimeria maxima, Eimeria tenella, Eimeria necatrix	Lọ	10ml (1000 liều), 50ml (5000 liều)	Phòng bệnh cầu trùng trên gà	BPS-2

BELGIUM

1. Công ty CID Lines NV/SA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Agrocid Super GMP	Lactic acid, Formic acid, Propionic acid, Sorbic acid, Citric acid	Can	10; 25 lít	Giảm độ pH nước uống	CID-2

MEXICO

1. Công ty Laboratorio Avi-Mex, S.A. De CV

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	K- New H5 (Killed Recombinant vaccine against Newcastle Disease and Avian Influenza subtype H5)	Virus Newcastle, chủng Lasota, vô hoạt, virus cúm gia cầm H5 subtype, vô hoạt	Chai	100; 250ml	Phòng bệnh Newcastle và cúm gia cầm trên gà, vịt	LAM-1

2. Công ty Boehringer Ingelheim Vetmedica, S.A. de C.V

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Volvac -IBD MLV	Virus Gumboro	Chai	1000; 5000; 10000 liều	Phòng bệnh Gumboro trên gà	BIV-4
2	Volvac ND Lasota MLV	Virus Newcastle chủng Lasota	Chai	1000; 2000; 10000 liều	Phòng bệnh Newcastle trên gà	BIV-5

KOREA

1. Công ty Daesung Microbiological Lab

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Gumboro vaccine	Virus Gumboro	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Gumboro trên gà	DAS-26
2	ND Lasota vaccine	Virus Lasota	Lọ	500; 1000 liều	Phòng bệnh Newcastle trên gà	DAS-27
3	ND-IB vaccine	Virus IB	Lọ	1000 liều	Phòng viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	DAS-28

2. Công ty Choong Ang Vaccine Laboratory

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Suishot®APM-7	Pasteurella multocida type A; B; Actinobacillus pleuropneumonia serotype 2, 7; Độc tố Actinobacillus pleuropneumonia serotype 2, 7	Lọ	10; 20; 30; 50; 100ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng và viêm màng phổi trên lợn	CADL-15
2	PoulShot®Ing-Plus	Inactivated IBV (IBV M41; IBV KM91); inactivated (NDV Lasota); inactivated IBDV (IBDV CAG)	Lọ	10; 20; 30; 50; 100ml	Phòng bệnh viêm khí quản truyền nhiễm, Newcastle và Gumboro ở gà	CADL-16

3. Công ty Komipharm International Co., Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Res-Vac	Mycoplasma hyopneumonia, Bordetella brochiseptica, Haemophilus parasuis type 4,5, Pasteurella multocida type A; D; Actinobacillus pleuropneumonia serotype 2, 5	Lọ	5; 10; 20; 25; 30; 50; 100; 200; 250; 500ml	Phòng bệnh viêm đường hô hấp, viêm đa thanh mạc, viêm khớp, tụ huyết trùng viêm màng phổi trên lợn	KMB-28

4. Công ty CTCBIO

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Farm Care-3	Potassium monopersulfate, Malic acid	Bao	100; 500g; 1; 5; 20kg	Sát trùng chuồng trại, trang thiết bị, dụng cụ chăn nuôi, xe chuyên chở	CTC-15

5. Công ty Samyang Anipharm Co., Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	BIO 3-S w.s.p	Streptococcus faecalis, Bacilus mesentericus, Clostridium butyricum	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Phòng ỉa chảy, tăng tiêu hóa, hấp thu, tăng cường miễn dịch trên trâu, bò, ngựa, lợn, gia cầm, chó, mèo	SPC-37
2	Antirus sol	Sodium Hypochlorite	Chai, can	500ml; 1; 2; 4; 10; 18l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	SPC-40

6. Công ty Korea Biologicals eNvironmental Products Pharmaceuticals (KBNP), INC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Lifegard-T	Sodium dichloroisocyanurate	Viên	13g	Sát trùng chuồng trại, phương tiện, dụng cụ chăn nuôi, cơ thể vật nuôi và nước uống	KPN-4

THAILAND

1. Công ty A.N.B. Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Dung môi vô khuẩn N.S.S Blue	Patent Blue V; Sodium chloride	Chai	100; 200; 500ml	Dung môi pha vắc xin Cevac Transmune IBD)	ANB-2

2. Công ty Advance Pharma

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	A.V. SAVE	Alkyl Benzyl Dimethyl Ammonium chloride	Chai; thùng	1; 4; 20; 200 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi, nguồn nước	APT-1
2	Biosol	Alkyl Benzyl Dimethyl Ammonium chloride; Glutaraldehyde	Chai; thùng	1; 4; 5; 20; 25; 200 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi, nguồn nước	APT-2

INDIA

1. Công ty Venkateshwara Hatcheries

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Infectious Bursal Disease vaccin, living BP	Infectious Bursal disease virus	Lọ	3; 10; 20ml	Phòng bệnh Gumboro ở gà	WHI-1
2	Avian Infectious Bronchitis Vaccine Living (Mass Strain), BP (Vet)	Virus IB	Lọ	50; 100; 250; 500ml (100; 200; 500; 1000 liều)	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm (IB) trên gà	WHI-2
3	Newcastle Disease, Avian Infectious Bronchitis and Infectious Bursal Disease Vaccine, Inactivated	Virus ND, IB, IBD vô hoạt	Lọ	50; 100; 250; 500ml (100; 200; 500; 1000 liều)	Phòng bệnh Newcastle (ND), viêm phế quản truyền nhiễm (IB) và Gumboro (IBD) trên gà	WHI-3
4	Newcastle Disease Vaccine, Living BP(Vet)	Virus ND đông khô	Lọ	100; 200; 500; 1000; 2000; 5000; 10000 liều	Phòng bệnh Newcastle (ND) trên gà	WHI-4
5	Newcastle Disease vaccine, Inactivated.	Virus ND vô hoạt	Lọ	100; 200; 400; 1000 liều	Phòng bệnh Newcastle (ND) trên gà	WHI-5

2. Công ty B.V Bio-Corp Pvt.Ltd

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	VB-001	Didecyl dimethyl ammonium chloride; Benzalkonium chloride; Bis-n-tributylin Oxide	Chai, can	100ml; 1; 5 lít	Thuốc khử trùng cho lồng ấp và chuồng trại	BVB-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	VB-triphene	Ortho-Phenyl Phenol; Ortho-Benzyl Para-Chlorophenol; Para-Tertiary Amylphenol	Chai, can	100ml; 1; 5 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại, phương tiện vận chuyển, rửa vết thương	BVB-2
3	Al-Clean	Sodium metasilicate pentahydrate, Tetrapotassium Pyrophosphate, Sodium hydroxide	Chai, can	1; 5 lít	Thuốc khử trùng cho lồng ấp, chuồng trại	BVB-3
4	VB-Aqua	Benzalkonium chloride, Citric Acid	Chai, can	1; 5 lít	Thuốc khử trùng trong lò mổ và chuồng nuôi gia súc, gia cầm	BVB-4
5	Bio-Buster	Kali monopersulphate (Kali Monopersulphate, Kali hydrogen sulphate, Kali sulphate, Natri chloride	Túi, gói	100; 500g	Thuốc sát trùng nước, lồng ấp, chuồng trại, phương tiện vận chuyển và dụng cụ chăn nuôi	BVB-5

TAIWAN

1. Công ty Formosa Biomedical Inc

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Biofors APP	A. pleuropneumoniae Type 1; A. pleuropneumoniae Type 5	Chai	50 liều	Phòng bệnh viêm màng phổi và viêm phổi ở lợn	FBI-5
2	Biofors NDIBIC 0.25	Inactivated ND Ishi-I viral, Inactivated IB M-41 strain viral, Inactivated IC TS-A, C Bacterial viral	Lọ	500; 1000; 2000 liều	Phòng bệnh Newcastle, viêm phế quản và Coryza trên gà	FBI-6

2. Công ty Kaohsiung Biological Product

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Hog Cholera Cell Culture Live	Virus dịch tả lợn, chủng LPC-CN nhược độc	Chai	10; 20; 50 liều	Phòng bệnh dịch tả heo	KBP-1
2	Swine Actinobacillus pleuropneumoniae, Pasteurellosis Inactivated Bacterin (AP+PM)	A. pleuropneumoniae type 1; 2; 5 Pasteurella multocida type D	Chai	100ml	Phòng bệnh viêm phổi - màng phổi và tụ huyết trùng lợn	KBP-2

CHINA

1. Công ty Guangdong Dahuanong Animal Health Products

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Newcastle disease and infectious bronchitis vaccine, live (La Sota + H52 strain)	Virus Newcatsle chủng Lasota, Virus viêm phế quản truyền nhiễm chủng H52	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Newcastle, viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	GDA-2
2	Infectious bronchitis thermo - stable vaccine, live (H120 strain)	Virus viêm phế quản truyền nhiễm (chủng H120)	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	GDA-3
3	Infectious Bursal disease thermo - stable vaccine, live (B87 Strain)	Vi rút bệnh Gumboro (chủng B87)	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Gumboro trên gà	GDA-4
4	Newcastle disease and infectious bronchitis vaccine, live (La Sota + H120 strain)	Vi rút Newcastle chủng Lasota, Vi rút viêm phế quản truyền nhiễm chủng H120	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Newcastle và viêm phế quản truyền nhiễm trên gà	GDA-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
5	Newcastle disease intermediate vaccine, live (Mukteswar strain)	Virus Newcastle chủng Mukteswarn ≥ $10^{5.0}$ EID50	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Newcastle cho gà từ 2 tháng tuổi trở lên	GDA-6
6	Newcastle disease thermo-stable vaccine, live (La Sota strain)	Vi rút Newcastle chủng Lasota ≥ $10^{6.0}$ EID50	Lọ	1000 liều	Phòng bệnh Newcastle trên gà	GDA-7
7	Newcastle disease vaccine, inactived (ND, La Sota strain)	Vi rút Newcastle chủng Lasota; ND	Chai	250ml (1000 liều)	Phòng bệnh Newcastle trên gà	GDA-8
8	Swine Fever Vaccine, live (Cell origin)	Vi rút nhược độc dịch tả lợn	Lọ	10; 20 liều	Phòng bệnh dịch tả lợn	GDA-9

2. Công ty China Agricultural Vet.Bio Science and Technology

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Foot and Mouth Disease Type O Inactivated vaccine (O/MYA98/BY/2010 strain)	Virus Lở mồm long móng tuýp O (chủng O/MYA98/BY/2010), vô hoạt	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng bệnh lở mồm long móng tuýp O trên trâu, bò	CAV-2

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Diệp Kỉnh Tần